



Hiệu quả các Mạng lưới REDD+ và VNGO-FLEGT tại Việt Nam

Nguyễn Vinh Quang, Forest Trends

Nguyễn Việt Dũng, Trung tâm Con người và Thiên nhiên

Tháng 8 năm 2014

Với sự hỗ trợ của:



Lời cảm ơn

Nghiên cứu “Đánh giá hiệu quả các Mạng lưới REDD+ và VNGO-FLEGT tại Việt Nam” được thực hiện bởi Tổ chức Forest Trends và Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature). Nhóm tác giả xin trân trọng cảm ơn các tổ chức, cá nhân đã cung cấp thông tin, góp ý, hỗ trợ và tạo điều kiện giúp đỡ trong quá trình thực hiện nghiên cứu và hoàn thiện Báo cáo này. Bản thảo của Báo cáo đã được trình bày tại Hội thảo chia sẻ kết quả nghiên cứu do Forest Trends và PanNature tổ chức ngày 12 tháng 03 năm 2014 tại Hà Nội. Nghiên cứu được thực hiện với sự hỗ trợ về tài chính của Cơ quan Hợp tác Phát triển Vương Quốc Anh (DFID) và Cơ quan Hợp tác Phát triển Na Uy (NORAD) thông qua tổ chức Forest Trends. Các quan điểm thể hiện trong báo cáo phản ánh quan điểm của các tác giả và không nhất thiết phản ánh quan điểm của các tổ chức nơi các tác giả công tác, cũng như quan điểm của nhà tài trợ.

Mục lục

Lời cảm ơn	ii
Mục lục	iii
Danh sách các Bảng	iv
Danh sách các Sơ đồ	iv
Danh sách các Hình	iv
Tóm tắt báo cáo	v
Danh sách các từ viết tắt	viii
1. Giới thiệu.....	11
2. Mục tiêu Nghiên cứu	12
3. Phương pháp và Phạm vi Nghiên cứu.....	12
4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận.....	13
4.1 Quá trình hình thành, cơ cấu tổ chức và vận hành của Mạng lưới REDD+	13
4.1.1 Mạng lưới REDD+.....	13
4.1.2 Mạng lưới VNGO-FLEGT	17
4.2 Đánh giá hiệu quả hoạt động Mạng lưới	25
4.2.1 Hiệu quả Mạng lưới REDD+	25
4.2.2 Hiệu quả Mạng lưới VNGO-FLEGT	31
5. Đề xuất nâng cao hiệu quả hoạt động Mạng lưới	39
5.1 Đề xuất cải thiện Mạng lưới REDD+	39
5.2 Đề xuất cải thiện Mạng lưới VNGO-FLEGT	40
5.3 Đề xuất phối hợp một số hoạt động chuyên môn giữa 2 Mạng lưới VNGO-FLEGT và REDD+.....	42
6. Điều kiện cần cho một Mạng lưới hoạt động hiệu quả	42
Tài liệu tham khảo.....	45

Danh sách các Bảng

Bảng 1: Nhóm và số đối tượng được phỏng vấn	12
Bảng 2: Số thành viên Mạng lưới VNGO-FLEGT	21
Bảng 3: Trách nhiệm và thẩm quyền của các cơ cấu Mạng lưới VNGO-FLEGT	23
Bảng 4: Tổng hợp thành viên Mạng lưới REDD+ Quốc gia	27
Bảng 5: Thông tin về Hoạt động của các Tiểu nhóm kỹ thuật (đến tháng 2/2014).....	29

Danh sách các Sơ đồ

Sơ đồ 1: Cấu trúc tổ chức thực hiện hoạt động REDD+ tại Việt Nam	16
Sơ đồ 2: Tổ chức hoạt động liên quan đến đàm phán VPA/FLEGT tại Việt Nam	18
Sơ đồ 3: Cơ cấu tổ chức và liên kết trong Mạng lưới và các cơ quan liên quan	20

Danh sách các Hình

Hình 1: Tỷ lệ thành viên Mạng lưới REDD+ Quốc gia thuộc các nhóm tổ chức khác nhau (%)	28
--	----

Tóm tắt báo cáo

Việt Nam tham gia hai sáng kiến quốc tế Giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và tăng cường trữ lượng các-bon rừng (REDD+) từ 2009 (chuẩn bị thực thi REDD+); và Tăng cường Thực thi Lâm luật, Quản trị rừng và Thương mại lâm sản (FLEGT) của Liên minh Châu Âu (EU) từ 2010 (chính thức đàm phán Hiệp định Đối tác Tự nguyện (VPA) trong khuôn khổ FLEGT). Hai sáng kiến này được kỳ vọng sẽ góp phần thúc đẩy quản trị tốt hơn ngành lâm nghiệp, đồng thời gia tăng các lợi ích kinh tế, môi trường và xã hội trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng ở Việt Nam.

Cơ chế thực thi REDD+ và FLEGT VPA đều yêu cầu có sự tham gia tích cực và hiệu quả của nhiều bên liên quan. Mạng lưới REDD+ Quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN&PTNT) quyết định thành lập để tham mưu, hỗ trợ cho tiến trình thực hiện các sáng kiến về REDD+ tại Việt Nam. Trong khi với FLEGT VPA, bên cạnh các nhóm công tác hỗ trợ cho Đoàn đàm phán của Chính phủ, Mạng lưới các tổ chức phi chính phủ Việt Nam về Thực thi Lâm luật, Quản trị rừng và Thương mại Lâm sản (VNGO-FLEGT) cũng được hình thành nhằm tác động và đóng góp vào tiến trình đàm phán giữa Chính phủ Việt Nam và EU. Các Mạng lưới này đã và đang có những đóng góp nhất định cho việc chuẩn bị và thực thi REDD+ và FLEGT VPA tại Việt Nam. Cuối năm 2013, Bộ NN&PTNT đã yêu cầu rà soát và sắp xếp lại Mạng lưới REDD+ Quốc gia nhằm nâng cao hiệu quả của Mạng lưới trong quá trình đổi mới và hoàn thiện các chính sách liên quan. VNGO-FLEGT cũng có mục đích tương tự và đã lên kế hoạch rà soát và củng cố lại Mạng lưới vào giữa năm 2014 để cải thiện hiệu quả hoạt động theo định hướng lâu dài.

Từ tháng 11 năm 2013 đến tháng 4 năm 2014, Tổ chức Forest Trends với sự hỗ trợ về tài chính của Cơ quan Hợp tác Phát triển Vương quốc Anh (DFID), và Cơ quan Hợp tác Phát triển Na Uy (NORAD) đã phối hợp với Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature) thực hiện một nghiên cứu độc lập đánh giá hai Mạng lưới REDD+ và VNGO-FLEGT nói trên. Nghiên cứu này nhằm mục đích đánh giá hiệu quả hoạt động của hai Mạng lưới REDD+ và VNGO-FLEGT thông qua xem xét cấu trúc quản lý và vận hành Mạng lưới, mức độ tham gia của các bên trong các hoạt động liên quan, hiệu quả về nâng cao nhận thức và năng lực cho các thành viên, và khả năng tác động đến tiến trình xây dựng và phát triển chính sách liên quan đến sáng kiến REDD+ và FLEGT VPA tại Việt Nam. Mục tiêu cụ thể của nghiên cứu gồm có:

- Tìm hiểu cấu trúc tổ chức, quản lý, và cơ chế vận hành của hai Mạng lưới REDD+ và VNGO-FLEGT tại Việt Nam;
- Xác định hiệu quả hoạt động của hai Mạng lưới về mức độ tham gia của các bên liên quan, nâng cao nhận thức và năng lực cho các thành viên, và khả năng tác động đến tiến trình xây dựng và phát triển chính sách liên quan; và
- Đề xuất biện pháp nhằm cải thiện hiệu quả hoạt động của hai Mạng lưới.

Kết quả đánh giá cho thấy hai Mạng lưới REDD+ và VNGO-FLEGT đã tạo ra được diễn đàn cho nhiều bên quan tâm tham gia học hỏi, thảo luận, chia sẻ thông tin liên quan và tìm kiếm cơ hội hợp tác thực hiện các sáng kiến cụ thể. Những kết quả ban đầu của hai Mạng lưới này đã được xác định như sau:

- Cả hai Mạng lưới đều đã hình thành được cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Mạng lưới, được hỗ trợ bởi các thiết chế có chức năng kỹ thuật để điều phối và duy trì hoạt động toàn bộ hoặc một phần của Mạng lưới theo nhu cầu xác định;
- Hai Mạng lưới đều có tính mở, khuyến khích sự tham gia tự nguyện và thảo luận dân chủ của các cá nhân và tổ chức quan tâm, vì thế cơ cấu thành viên của hai Mạng lưới tương đối đa

dạng, bước đầu thu hút sự quan tâm của các tổ chức phi chính phủ trong nước, quốc tế và cán bộ, chuyên gia dự án liên quan;

- Đã thúc đẩy quá trình học hỏi và nâng cao nhận thức cho các thành viên về sáng kiến mới REDD+, FLEGT VPA và các khía cạnh của quản trị lâm nghiệp Việt Nam thông qua nhiều diễn đàn/kênh khác nhau của từng Mạng lưới (hội thảo, tập huấn, họp định kỳ, tài liệu, trang tin điện tử);
- Giúp kết nối và thúc đẩy các cá nhân và tổ chức thành viên tìm kiếm cơ hội hợp tác, cùng phối hợp thực hiện các hoạt động tư vấn, nghiên cứu, gia tăng hiểu biết và động cơ tham gia của thành viên và góp phần thực hiện các chương trình, dự án liên quan đến REDD+, FLEGT và hoạt động lâm nghiệp khác;
- Đã có những đóng góp, tác động nhất định đến quá trình xây dựng chính sách cụ thể liên quan đến REDD+ và quá trình đàm phán FLEGT VPA của Việt Nam; bước đầu xác định được các định hướng, lựa chọn nội dung phù hợp cho đối thoại và vận động chính sách về REDD+, FLEGT;
- Được các bên liên quan thừa nhận sự hiện diện như là một phần của tiến trình đa bên tham gia vào các sáng kiến quốc tế như REDD+ hay FLEGT VPA, cũng là điều kiện để thúc đẩy các sáng kiến này được thực hiện ở Việt Nam.

Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra những mặt còn hạn chế cần khắc phục, trong đó nổi bật là chưa có cơ chế đảm bảo những thảo luận cấp Mạng lưới được chuyển tải một cách hiệu quả đến các cơ quan hoạch định chính sách. Đối với từng Mạng lưới, nghiên cứu cũng chỉ ra:

- Đối với Mạng lưới REDD+:
 - Thiếu tiếng nói quyết định định hướng hoạt động của Mạng lưới từ phía chính phủ; vai trò điều phối của cơ quan quản lý mờ nhạt;
 - Sự phụ thuộc vào hỗ trợ của các dự án, tổ chức có dự án để duy trì hoạt động; thiếu nhân sự có năng lực để thảo luận hiệu quả; và
 - Cam kết tham gia của các bên tham gia chưa cao.
- Đối với Mạng lưới VNGO-FLEGT:
 - Chưa định hình rõ chức năng, giá trị và thể chế cần thiết của Mạng lưới để tác động vào quá trình đàm phán VPA;
 - Thiếu chiến lược và ưu tiên hoạt động và tác động đến cấp chính sách; thiếu cam kết tham gia tích cực của thành viên; và
 - Hạn chế năng lực và đồng thuận nhằm tạo ra sản phẩm thông tin có chất lượng cho đối thoại, vận động chính sách.

Những hạn chế đó phản ánh một cách khách quan tính chất của cơ chế tham gia tự nguyện của hoạt động Mạng lưới, cũng như thiếu sự lãnh đạo hiệu quả và tuân thủ các nguyên tắc quản trị khoa học về tổ chức và vận hành theo cơ chế Mạng lưới trong bối cảnh sự tham gia của nhiều bên liên quan, bao gồm các tổ chức xã hội dân sự, trong các quá trình chính sách đang bắt đầu được hình thành ở Việt Nam. Dựa trên các phát hiện đó, nhóm nghiên cứu đã tham vấn và đưa ra các khuyến nghị cụ thể cho cải thiện tổ chức và vận hành từng Mạng lưới nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động. Các khuyến nghị chính gồm có:

- (Tái) định hướng rõ ràng về cơ cấu và hoạt động của Mạng lưới REDD+ Quốc gia để gia tăng đóng góp vào quá trình chính sách, bên cạnh các mục đích khác; rà soát, củng cố lại Mạng lưới VNGO-FLEGT về cả tầm nhìn, sứ mệnh và chiến lược hoạt động dài hạn;
- Tăng cường thể chế và năng lực hoạt động của Mạng lưới thông qua sắp xếp lại các tiểu nhóm kỹ thuật (của Mạng lưới REDD+) hoặc năng lực điều hành/điều phối (của VNGO-FLEGT) và cam kết tham gia của các thành viên; áp dụng các quy chế tham gia Mạng lưới;
- Đảm bảo và đa dạng các nguồn lực tài chính ổn định hỗ trợ và duy trì Mạng lưới hoạt động;
- Cải thiện hoạt động thông tin/truyền thông, tiếp cận thông tin cho trong và ngoài Mạng lưới, đáp ứng yêu cầu nâng cao nhận thức; cải thiện chất lượng và kênh thông tin sử dụng cho tiếp cận và tác động đến quá trình xây dựng chính sách;
- Xác định cơ hội và thách thức kết nối hai Mạng lưới REDD+ và FLEGT, đồng thời đề xuất tăng cường kết nối và chia sẻ với các Mạng lưới tổ chức xã hội khác trong lĩnh vực lâm nghiệp ở cả cấp trung ương và địa phương.

Bên cạnh các khuyến nghị cụ thể cho từng Mạng lưới, nghiên cứu cũng đúc rút ra những điều kiện cần đảm bảo cho một Mạng lưới dân sự nói chung được tổ chức và hoạt động hiệu quả tại Việt Nam. Nghiên cứu cũng chỉ ra sự tương thích giữa hai Mạng lưới REDD+ và FLEGT và cơ hội kết nối chúng từ góc độ kỹ thuật để nâng cao hiệu quả hoạt động.

Danh sách các từ viết tắt

BĐH	Ban điều hành
BĐKH	Biến đổi khí hậu
BDS	Hệ thống chia sẻ lợi ích
BVPTR	Bảo vệ phát triển rừng
CoC	Chuỗi hành trình sản phẩm
COP	Conference of Parties
CRD	Phát triển nông thôn miền Trung
DFID	Cơ quan Hợp tác Phát triển Vương quốc Anh
DOSTIC	Vụ Khoa học, Công nghệ và Hợp tác Quốc tế
ĐSQ	Đại sứ quán
EFI	Viện Lâm nghiệp Châu Âu
EU	Liên minh Châu Âu
FAO	Tổ chức Nông Lương của Liên hợp quốc
FCPF	Quỹ Đối tác Các-bon ngành Lâm nghiệp
FFI	Tổ chức Bảo tồn Động Thực vật Quốc tế
FIPI	Viện Điều tra Quy hoạch Rừng
FLEGT	Chương trình Thực thi Lâm luật, Quản trị rừng và Thương mại Lâm sản
FORWET	Trung tâm bảo tồn rừng và đất ngập nước
FPD	Cục Kiểm lâm
FPIC	Đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, báo trước, và được cung cấp thông tin
HTQT	Hợp tác Quốc tế
ICRAF	Trung tâm Nông Lâm Thế giới
INGO	Tổ chức phi chính phủ quốc tế
JEM	Nhóm chuyên gia kỹ thuật hỗn hợp
JICA	Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản
KHCN	Khoa học Công nghệ
KHCN&HTQT	Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế

KHHĐ	Kế hoạch hành động
KHLN	Khoa học Lâm nghiệp
LD	Định nghĩa gỗ hợp pháp
LIA	Đánh giá tác động sinh kế
MRV	Đo đạc, Báo cáo và Thẩm định
MTQG	Mục tiêu quốc gia
NGO	Tổ chức phi chính phủ
NN&PTNT	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
NORAD	Cơ quan Hợp tác Phát triển Na Uy
NRAP	Chương trình Hành động REDD+ Quốc gia
NTP-RCC	Chương trình Mục tiêu Quốc gia Ứng phó với Biến đổi Khí hậu
PanNature	Trung tâm Con người và Thiên nhiên
PBM	Giám sát đa dạng sinh học có sự tham gia
PCM	Giám sát các-bon rừng có sự tham gia
PCP	Phi chính phủ
PFM	Giám sát rừng có sự tham gia
PGA	Đánh giá Quản trị Lâm nghiệp có sự tham gia
PRAP	Kế hoạch Hành động REDD+ cấp tỉnh
PVS	Phỏng vấn sâu
QĐ	Quyết định
QG	Quốc gia
QLR	Quản lý rừng
RECOFTC	Trung tâm vì Con người và Rừng
REDD+	Giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và tăng cường trữ lượng các-bon rừng
REL	Đường phát thải tham chiếu
RL	Đường tham chiếu
SDC	Cơ quan Hỗ trợ Phát triển và Hợp tác Thụy Sĩ
SNV	Tổ chức Phát triển Hà Lan
STWG	Tiểu nhóm kỹ thuật

TLAS	Hệ thống đảm bảo tính hợp pháp của gỗ
TLN	Thảo luận nhóm
TN&MT	Tài nguyên Môi trường
ToR	Điều khoản tham chiếu
TƯ	Trung ương
TWG	Tổ Công tác Kỹ thuật REDD+
UNDP	Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc
UN-REDD	Chương trình REDD+ của Liên hợp quốc
VN	Việt Nam
VNFOREST	Tổng cục Lâm nghiệp
VNGO-CC	Mạng lưới các tổ chức phi chính phủ Việt Nam về Biến đổi Khí hậu
VNGO-FLEGT	Mạng lưới FLEGT của các tổ chức phi chính phủ Việt Nam
VPA	Hiệp định Đối tác Tự nguyện
VRO	Văn phòng REDD+ Việt Nam
WWF	World Wildlife Fund/Quỹ Quốc tế Bảo vệ Thiên nhiên
XHDS	Xã hội Dân sự

1. Giới thiệu

Giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và tăng cường trữ lượng các bon rừng (REDD+) là một sáng kiến mới của quốc tế được khởi xướng từ COP 11 (2005) tại Montreal, Canada. Việt Nam bắt đầu thực hiện Chuẩn bị sẵn sàng thực thi REDD+ từ năm 2009 với hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật từ các dự án được tài trợ bởi các tổ chức quốc tế.¹ Tháng 9 năm 2009 Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN&PTNT), với sự hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật của một số tổ chức quốc tế, đã thành lập Mạng lưới REDD+ Quốc gia,² có chức năng điều phối chung và hỗ trợ xây dựng sẵn sàng thực hiện REDD+ tại Việt Nam.³

Từ tháng 5 năm 2010, Việt Nam chính thức bắt đầu tham gia đàm phán với Liên minh Châu Âu (EU) về Hiệp định Đối tác Tự nguyện (VPA), trong khuôn khổ Chương trình Hành động của EU về tăng cường Thực thi Lâm luật, Quản trị rừng và Thương mại Lâm sản (FLEGT). Trong khuôn khổ đàm phán, Việt Nam và EU sẽ xây dựng và thống nhất về định nghĩa gỗ hợp pháp (LD) và Hệ thống đảm bảo tính hợp pháp của gỗ (TLAS). Khi Hiệp định Đối tác Tự nguyện (VPA) được ký kết, các sản phẩm gỗ có xuất xứ từ Việt Nam đáp ứng các quy định của EU về tính hợp pháp của các sản phẩm này khi tiêu thụ tại thị trường này. Hiện quá trình đàm phán vẫn đang diễn ra. Chính phủ Việt Nam đã thành lập Ban chỉ đạo FLEGT và Lacey; Bộ NN&PTNT thành lập Văn phòng thường trực FLEGT và Lacey để tham mưu, hỗ trợ cho Chính phủ trong tiến trình đàm phán với EU. Đồng thời, với sự hỗ trợ của EU, 2 Nhóm kỹ thuật (i) Xây dựng định nghĩa gỗ hợp pháp (LD) và (ii) Xây dựng Hệ thống đảm bảo tính hợp pháp của gỗ (TLAS), cũng đã được thành lập để hỗ trợ cho Ban chỉ đạo và Đoàn đàm phán của Chính phủ Việt Nam. Với sự hỗ trợ của FERN - một tổ chức phi chính phủ nước ngoài, Mạng lưới FLEGT của các tổ chức phi chính phủ Việt Nam (VNGO-FLEGT) cũng đã được thành lập vào đầu năm 2012. Mục tiêu ban đầu của Mạng lưới VNGO-FLEGT là nhằm hỗ trợ cho những cộng đồng và người dân hiện đang quản lý và bảo vệ rừng được nói lên tiếng nói của mình và có sự tham gia có chất lượng trong quá trình đàm phán FLEGT VPA giữa Việt Nam và EU.

Mạng lưới REDD+ Quốc gia tại Việt Nam đã vận hành được hơn 4 năm và Mạng lưới VNGO-FLEGT hoạt động được hơn 2 năm. Tuy nhiên, đến nay chưa có một đánh giá chính thức nào xem xét mức độ hiệu quả và đóng góp của hai Mạng lưới này vào tiến trình thực thi hai sáng kiến REDD+ và FLEGT. Nghiên cứu này do đó nhằm tìm hiểu về cơ chế quản lý và vận hành của hai Mạng lưới REDD+ và VNGO-FLEGT, và hiệu quả của cơ chế quản lý và vận hành này xét về khía cạnh xây dựng năng lực và chia sẻ thông tin cho các bên tham gia, và tác động đến tiến trình ra quyết định chính sách. Nghiên cứu chỉ ra những điểm cần cải thiện, thay đổi nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của 2 Mạng lưới, đồng thời rút ra bài học cho các Mạng lưới nói chung.

Báo cáo bao gồm 6 phần chính. Sau phần giới thiệu (Phần 1), Phần 2 trình bày mục tiêu nghiên cứu. Phần 3 mô tả phương pháp và phạm vi nghiên cứu. Phần 4 trình bày kết quả nghiên cứu và thảo luận, với các nội dung về quá trình hình thành, cơ cấu tổ chức và vận hành của hai Mạng lưới; Hiệu quả hoạt động của Mạng lưới xét về cơ cấu tổ chức và vận hành, sự tham gia của các bên liên quan, hiệu quả nâng cao nhận thức và năng lực, và tác động của Mạng lưới đến tiến hành xây dựng và phát triển chính sách liên quan. Phần 5 trình bày các đề xuất cho mỗi Mạng lưới nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động Mạng lưới tốt hơn, đồng thời đề xuất phối hợp một số hoạt động chuyên môn giữa 2 Mạng lưới. Phần cuối cùng, Phần 6, của Báo cáo tổng hợp một số điều kiện để một Mạng lưới nói chung hoạt động hiệu quả.

¹ Nghiên cứu gần đây của Forest Trends về các nguồn tài chính hỗ trợ REDD+ tại Việt Nam cho thấy, tính đến tháng 7 năm 2013, Việt Nam đã có 85,9 triệu USD được cam kết hỗ trợ cho REDD+, cho giai đoạn 2009-2017.

² Quyết định 2614/QĐ-BNN-LN, ngày 16 tháng 09 năm 2009 thành lập Mạng lưới REDD+ Quốc gia và Tổ Công tác Kỹ thuật REDD+.

³ Quyết định 2614/QĐ-BNN-LN, ngày 16 tháng 09 năm 2009 thành lập Mạng lưới REDD+ Quốc gia và Tổ Công tác Kỹ thuật REDD+.

2. Mục tiêu Nghiên cứu

Mục tiêu chính của nghiên cứu là nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hai Mạng lưới REDD+ và VNGO-FLEGT, thông qua xem xét cấu trúc quản lý và vận hành của Mạng lưới, mức độ tham gia của các bên trong các hoạt động liên quan, hiệu quả về nâng cao nhận thức và năng lực cho các thành viên, và khả năng tác động đến tiến trình xây dựng và phát triển chính sách liên quan đến sáng kiến REDD+ và FLEGT/VPA tại Việt Nam. Mục tiêu cụ thể của nghiên cứu bao gồm:

- Tìm hiểu cấu trúc tổ chức, quản lý, và cơ chế vận hành của hai Mạng lưới REDD+ và VNGO-FLEGT tại Việt Nam;
- Xác định hiệu quả hoạt động của hai Mạng lưới về mức độ tham gia của các bên liên quan, nâng cao nhận thức và năng lực cho các thành viên, và khả năng tác động đến tiến trình xây dựng và phát triển chính sách liên quan; và
- Đề xuất biện pháp nhằm cải thiện hiệu quả hoạt động của 2 Mạng lưới.

3. Phương pháp và Phạm vi Nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng thông tin thứ cấp và sơ cấp. Nguồn thông tin thứ cấp là các văn bản, quyết định của Nhà nước liên quan đến việc hình thành, tổ chức và hoạt động của hai Mạng lưới, các báo cáo của một số dự án liên quan, các biên bản cuộc họp. Phần lớn các tài liệu thứ cấp liên quan đến Mạng lưới REDD+ được thu thập từ trang web <http://vietnam-redd.org/>. Thông tin thứ cấp liên quan đến FLEGT VPA được thu thập từ các trang web của Tổng cục Lâm nghiệp (<http://tongcuclamnghep.gov.vn>), Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam--VIFORES (<http://vietfores.org>), Trung tâm Con người và Thiên nhiên (<http://www.thiennhien.net>), Trung tâm Phát triển Nông thôn Bền vững (www.srd.org.vn), v.v..

Thông tin sơ cấp được thu thập thông qua phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm đối với các bên liên quan, bao gồm các tổ chức, cá nhân đã và đang và đã từng tham gia các cuộc họp/thảo luận của các Mạng lưới REDD+ và/hoặc VNGO-FLEGT. Họ là những cán bộ, chuyên gia, nhà nghiên cứu thuộc Tổ chức phi chính phủ quốc tế (INGOs), Nhà tài trợ, Tổ chức phi chính phủ trong nước (NGO), Viện/Trung tâm nghiên cứu, cơ quan báo chí; hoặc là những chuyên gia tư vấn độc lập. Quá trình thu thập thông tin sơ cấp và thứ cấp được thực hiện từ tháng 11 năm 2013 đến tháng 3 năm 2014. Bảng 1 liệt kê danh sách các cá nhân và tổ chức cung cấp thông tin sơ cấp cho nghiên cứu.

Bảng 1: Nhóm và số đối tượng được phỏng vấn

TT	Nhóm đối tượng	Số lượng	Tham gia REDD+ và FLEGT	Tham gia REDD+	Tham gia FLEGT	Hình thức lấy thông tin
1.	Nhà tài trợ	3	1	2	0	Phỏng vấn sâu
2.	Tổ chức phi chính phủ quốc tế	23	9	13	1	Phỏng vấn sâu & Thảo luận nhóm
3.	Tổ chức phi chính phủ trong nước	10	6	3	1	Phỏng vấn sâu
4.	Cơ quan nghiên cứu	3	2	0	1	Phỏng vấn sâu
5.	Tư vấn độc lập	3	1	2	0	Phỏng vấn sâu
6.	Cơ quan báo chí	1	0	1	0	Phỏng vấn sâu
	Tổng	43	19	21	3	

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1 Quá trình hình thành, cơ cấu tổ chức và vận hành của Mạng lưới REDD+

4.1.1 Mạng lưới REDD+

Quá trình hình thành

Từ sau COP13 năm 2007, Chính phủ Việt Nam đã phối hợp với một số tổ chức quốc tế⁴ tổ chức triển khai công tác chuẩn bị sẵn sàng thực thi REDD+ tại Việt Nam. Sau khi Chương trình Mục tiêu Quốc gia Ứng phó với Biến đổi Khí hậu (NTP-RCC)⁵ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, hoạt động chuẩn bị sẵn sàng thực thi REDD+ đã được giao cho Bộ NN&PTNT chủ trì và triển khai ngay trong năm 2009. Theo đó, với sự hỗ trợ của các đối tác phát triển quốc tế và phi chính phủ nước ngoài, tháng 9 năm 2009 Bộ NN&PTNT thành lập Mạng lưới REDD+ Quốc gia và Tổ Công tác Kỹ thuật REDD+ (Technical Working Group/TWG)⁶. Do trong thực tế có nhiều vấn đề kỹ thuật khác nhau liên quan đến REDD+ nên TWG đã đề xuất thành lập các Tiểu nhóm kỹ thuật (Sub-TWG) khác nhau nhằm tạo điều kiện cho các bên quan tâm làm việc sâu hơn đối với những vấn đề cụ thể. Các Tiểu nhóm kỹ thuật theo đó cũng được lần lượt thành lập, bao gồm:

- Tiểu nhóm Đo đạc, Báo cáo và Thẩm định (MRV) giải quyết các vấn đề số liệu thống kê, điều tra rừng, quản lý số liệu;
- Tiểu nhóm Quản trị REDD+ tập trung vào các vấn đề quản trị REDD+; cơ cấu của chính phủ và tăng cường năng lực; chính sách, quy định lâm nghiệp; kết nối với các cơ quan khác của chính phủ;
- Tiểu nhóm tài chính cho REDD+ và chia sẻ lợi ích (BDS);
- Tiểu nhóm thực hiện REDD+ tại địa phương (LI) tập trung vào các vấn đề thực hiện REDD+ tại cấp huyện và xã, tăng cường năng lực, chuyển đổi sinh kế cho người dân nông thôn, cộng đồng dân tộc thiểu số;
- Tiểu nhóm Gắn kết khối Tư nhân là diễn đàn cho các doanh nghiệp tư nhân liên quan đến nguồn tài nguyên rừng (nhà máy, cơ sở chế biến, xuất nhập khẩu lâm sản) đóng góp vào thúc đẩy xây dựng thị trường các-bon (trong tương lai) và thực thi Chương trình REDD+ quốc gia;
- Tiểu nhóm các Biện pháp Đảm bảo An toàn (Safeguards) khi thực thi REDD+, tập trung vào các biện pháp an toàn môi trường và xã hội.

Tháng 1 năm 2011, Ban Chỉ đạo thực hiện sáng kiến “Giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững, bảo tồn và nâng cao trữ lượng các-bon của rừng (REDD+)” tại Việt Nam (gọi tắt là Ban Chỉ đạo về REDD+ Việt Nam)⁷, đã được thành lập dưới sự ủy quyền của Thủ tướng và do Bộ trưởng Bộ NNPTNT chủ trì. Nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo REDD+ Quốc gia là điều phối mọi nỗ lực và hoạt động của các cơ quan chính phủ ở cấp trung ương và địa phương, các tổ chức tư nhân, tổ chức phi chính phủ, tổ chức dân sự xã hội và các đối tác phát triển

⁴ Việt Nam là một trong số ít quốc gia sớm tham gia Chương trình UN-REDD và Quỹ Đối tác Các-bon ngành Lâm nghiệp (FCPF) của Ngân hàng Thế giới.

⁵ Quyết định 158/QĐ-TTg, ngày 02 tháng 12 năm 2008 Phê duyệt Chương trình Mục tiêu Quốc gia Ứng phó với Biến đổi Khí hậu.

⁶ Quyết định 2614/QĐ-BNN-LN, ngày 16 tháng 09 năm 2009 Thành lập Mạng lưới REDD+ Quốc gia và Tổ Công tác Kỹ thuật REDD+.

⁷ Quyết định 39/QĐ-BNN-TCCB, ngày 7 tháng 01 năm 2011 thành lập Ban chỉ đạo REDD+ Việt Nam.

trong quá trình thực hiện REDD+. Văn phòng REDD+ Việt Nam (Vietnam REDD Office, VRO)⁸ cũng được thành lập trong tháng 1 năm 2011 chức năng là văn phòng thường trực cho Ban Chỉ đạo REDD+ của Việt Nam, và nhằm hỗ trợ, định hướng và điều phối các bên liên quan trong thực hiện REDD+ tại Việt Nam.

Năm 2011 trang web (<http://www.vietnam-redd.org>) về REDD+ ở Việt Nam cũng được xây dựng và đi vào hoạt động, do Văn phòng REDD+ Việt Nam quản lý, với sự hỗ trợ của Chương trình UN-REDD Việt Nam Pha 1. Mục đích nhằm cung cấp kiến thức cơ bản về REDD+, chia sẻ thông tin bằng cả tiếng Anh và Việt về các chính sách và tiến trình thực hiện REDD+ ở Việt Nam. Một địa chỉ thư điện tử (email), [redd-network-vn@googlegroups.com](mailto:red-network-vn@googlegroups.com), cũng được thiết lập nhằm hỗ trợ các thành viên cung cấp/chia sẻ thông tin trực tiếp đến mỗi thành viên Mạng lưới.

Tại cấp địa phương, Tổ công tác REDD+ cấp tỉnh và cấp huyện cũng được thành lập ở những tỉnh có các Dự án/hoạt động liên quan đến REDD+ nhằm chỉ đạo và điều phối các hoạt động liên quan tại địa phương.

Chức năng nhiệm vụ

Theo Quyết định 2614/QĐ-BNN-LN Mạng lưới REDD+ Quốc gia, có chức năng điều phối chung và hỗ trợ xây dựng sẵn sàng thực hiện REDD+ tại Việt Nam. Nhiệm vụ của Mạng lưới gồm:

- Xây dựng kế hoạch hành động, bao gồm lộ trình, thiết kế và thực hiện tất cả các bộ phận cấu thành của hệ thống REDD+ quốc gia hiệu quả cho Việt Nam;
- Thiết lập các mốc thời gian và thời hạn hoàn thành từng bộ phận cấu thành của kế hoạch hành động;
- Chia sẻ kinh nghiệm và bài học với các bên liên quan trong thực hiện REDD+;
- Thường xuyên rà soát và đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hành động, thiết kế và thực hiện các biện pháp khắc phục khiếm khuyết trong quá trình thực hiện;
- Đảm bảo mọi hoạt động hỗ trợ cho việc xây dựng và thực hiện các biện pháp REDD+ ở Việt Nam phù hợp và nhất quán với kế hoạch hành động.

Tổ Công tác Kỹ thuật REDD+ có chức năng hỗ trợ cho hoạt động của Mạng lưới REDD+ Quốc gia về các khía cạnh kỹ thuật và hành chính. Tổ Công tác có nhiệm vụ:

- Lên danh sách và cập nhật các nhà tài trợ cho việc xây dựng và thực hiện REDD+ ở Việt Nam;
- Phối hợp với các bên liên quan, xác định dự án REDD+ thí điểm ở Việt Nam;
- Rà soát các chương trình hiện có và trong kế hoạch với các đối tác phát triển liên quan đến kế hoạch hành động;
- Viết báo cáo thường niên của Việt Nam cho COP15 và các công ước quốc tế liên quan khác;
- Thực hiện hoạt động hành chính, quản lý tài chính cho các khoản ngân sách phân bổ cho Mạng lưới REDD+ Quốc gia để đảm bảo Mạng lưới hoạt động thông suốt và đúng chức năng;
- Tổ chức các cuộc họp Mạng lưới REDD+ Quốc gia.

⁸ Quyết định 18/QĐ-TCLN-VP, ngày 19/1/2011 thành lập Văn phòng REDD+ Việt Nam.

Cơ cấu tổ chức / Các tổ chức tham gia

Theo Quyết định 2614, Mạng lưới REDD+ Quốc gia ban đầu có 21 tổ chức và cá nhân thành viên là các cơ quan quản lý Nhà nước thuộc Bộ NN&PTNT, Bộ Tài nguyên và Môi trường (TN&MT), Văn phòng Chính phủ, các nhà tài trợ, các đối tác phát triển quốc tế, và các tổ chức/đơn vị nghiên cứu liên quan.⁹ Một điểm đáng chú ý là thời điểm thành lập Mạng lưới REDD+ Quốc gia, không có tổ chức Phi chính phủ Việt Nam (PCP VN) nào là thành viên.

Cũng theo Quyết định 2614, Tổ Công tác Kỹ thuật REDD+ ban đầu được thành lập với 13 thành viên, là các thành viên của Mạng lưới, trong đó có đại diện các cơ quan quản lý nhà nước thuộc Bộ NN&PTNT (lãnh đạo Tổng cục Lâm nghiệp, chuyên viên và Văn phòng Điều phối Chương trình Đối tác Hỗ trợ ngành Lâm nghiệp), Bộ TN&MT, các đối tác phát triển quốc tế, các nhà tài trợ (cả 4 đại diện), các tổ chức nghiên cứu.

Quyết định 2614 đã nêu rõ, danh sách thành viên Mạng lưới REDD+ Quốc gia cũng như thành viên Tổ Công tác Kỹ thuật REDD+ là danh sách mở, tức bất kỳ tổ chức, cá nhân nào quan tâm, dù ở cấp Trung ương hay địa phương, đều có thể tham gia. Vì lý do này, tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2013, tức sau hơn 4 năm, Mạng lưới REDD+ Quốc gia đã có 199 thành viên, trong đó 165 cá nhân xác định được thuộc 79 tổ chức, 5 cá nhân là tư vấn độc lập, và 29 cá nhân không xác định thuộc tổ chức cụ thể nào. Ngoài những tổ chức, cá nhân đã nêu trong Quyết định 2614 thành viên của Mạng lưới REDD+ Quốc gia còn có thêm các đại diện của các tổ chức phi chính phủ, đối tác phát triển quốc tế như Ngân hàng Thế giới, RECOFTC, SNV, FFI, WWF, CARE International, Forest Trends, v.v.. Đáng chú ý là đã có một số tổ chức phi chính phủ địa phương đã đăng ký và trở thành thành viên của Mạng lưới REDD+ Quốc gia.

Tổ chức thực hiện, quản lý và cơ chế vận hành

Bộ NN&PTNT được giao chịu trách nhiệm triển khai chuẩn bị sẵn sàng thực thi REDD+ ở cấp trung ương. Đối với Mạng lưới REDD+ Quốc gia, Thứ trưởng Bộ NN&PTNT, đồng thời là Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp (TCLN), được phân công chủ trì Mạng lưới. Mạng lưới có vị trí Đồng chủ trì là đại diện một đối tác phát triển; nhiệm kỳ đồng chủ trì đầu tiên được xác định là 2 năm, do Đại sứ Na Uy chịu trách nhiệm. Các tổ chức, cá nhân còn lại là thành viên bình đẳng của Mạng lưới. Mạng lưới cũng có vị trí thư ký do Văn phòng Điều phối Chương trình Đối tác Hỗ trợ ngành Lâm nghiệp (FSSP) đảm nhiệm. Tổ Công tác Kỹ thuật hiện nay do lãnh đạo TCLN làm Trưởng nhóm, và một Cán bộ Đầu mối phụ trách VRO gia làm Phó trưởng nhóm. Các Sub-TWG, khi có hoạt động, được đồng chủ trì bởi VRO hoặc một đơn vị quản lý nhà nước thuộc TCLN và một đại diện tổ chức hỗ trợ kỹ thuật và tài chính cho hoạt động của Tiểu nhóm đó. Cụ thể,

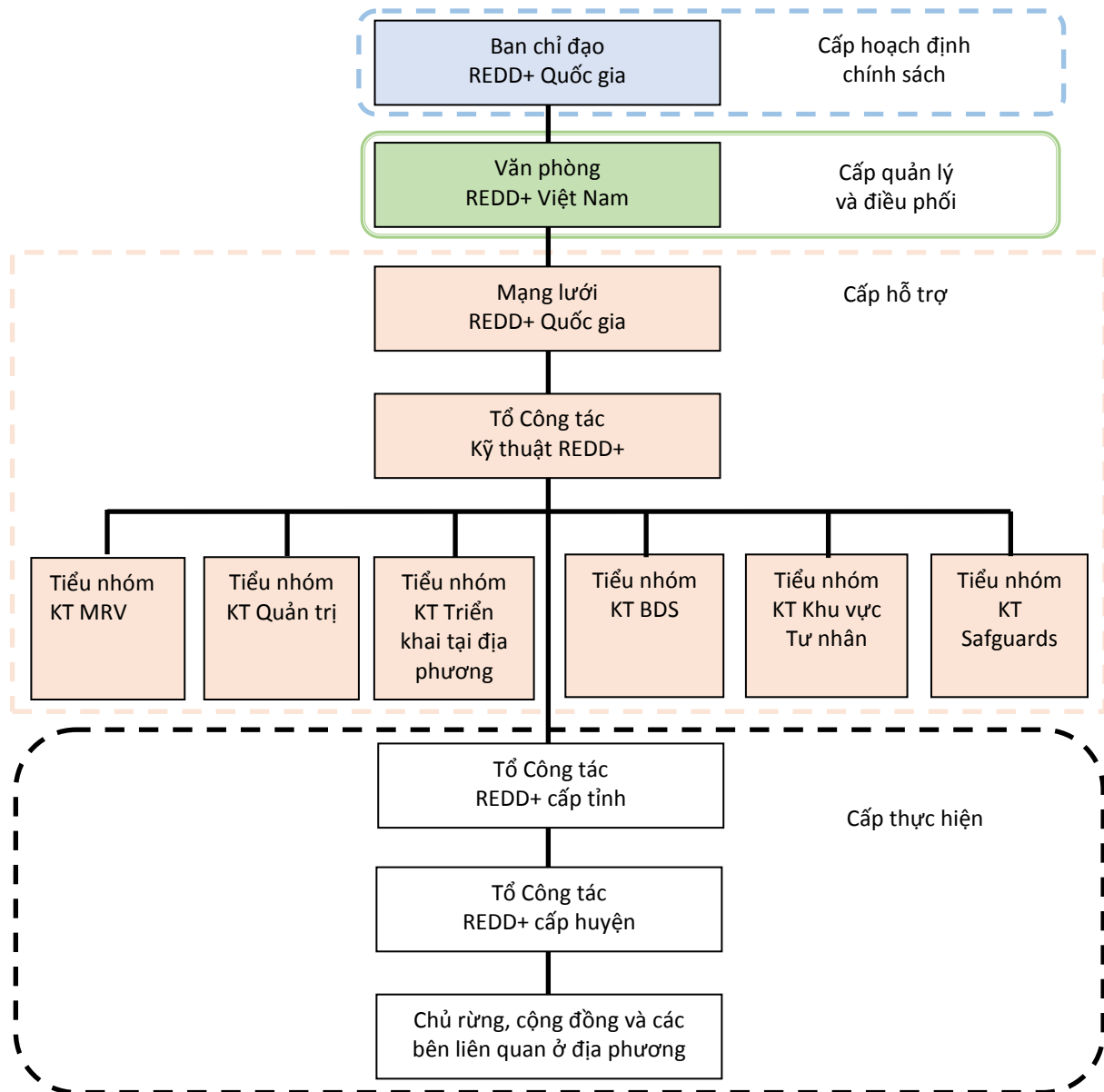
- Tiểu nhóm MRV do VRO và FAO/UN REDD I đồng chủ trì;
- Tiểu nhóm Quản trị do Cục Kiểm lâm (CKL) và FFI đồng chủ trì (sau đó RECOFTC và PanNature thay FFI);
- Tiểu nhóm Tài chính REDD+ và chia sẻ lợi ích do VRO và CERDA/UN REDD I đồng chủ trì;
- Tiểu nhóm thực hiện REDD+ tại địa phương do VRO và SNV đồng chủ trì;
- Tiểu nhóm Khu vực Tư nhân do Ban các tổ chức lâm nghiệp và Forest Trends đồng chủ trì; và

⁹ Bộ NN&PTNT có 7 đơn vị/cá nhân là Tổng cục Lâm nghiệp, Vụ Hợp tác Quốc tế (HTQT) của Bộ, Vụ Kế hoạch (KH), Vụ Tài chính (TC), Vụ Khoa học Công nghệ (KHCN) của Bộ, Vụ Pháp chế, Văn phòng Điều phối Đối tác Hỗ trợ ngành Lâm nghiệp; Bộ Kế hoạch và Đầu tư (KHĐT) có 1 đơn vị là Vụ Kinh tế Nông nghiệp; Bộ TN&MT có 1 đơn vị là Cục Khí tượng và Biến đổi Khí hậu (BĐKH); Nhà tài trợ có 4 đại diện là Đại sứ quán (ĐSQ) Na Uy, ĐSQ Phần Lan, ĐSQ Hà Lan, và GTZ/GIZ; Các đối tác phát triển quốc tế có 4 tổ chức là UNDP, FAO, JICA, SDC; Các tổ chức/đơn vị nghiên cứu có 3 tổ chức là ICRAF, ĐH Lâm nghiệp, Viện KHLN VN.

- Tiểu nhóm các Biện pháp Đảm bảo An toàn do VRO và SNV đồng chủ trì.

Sơ đồ sau mô tả cấu trúc tổ chức thực hiện hoạt động REDD+ tại Việt Nam.

Sơ đồ 1: Cấu trúc tổ chức thực hiện hoạt động REDD+ tại Việt Nam



Nguồn: FCPF 2011.

Về cơ chế vận hành, theo quy chế, Mạng lưới REDD+ Quốc gia họp định kỳ hàng quý nhằm tổng hợp tình hình và đưa ra những quyết định điều chỉnh phù hợp. Tổ công tác kỹ thuật và các Tiểu nhóm kỹ thuật nhóm họp định kỳ tương ứng 3 và 2 tháng một lần. Các hoạt động của Tiểu nhóm Kỹ thuật chủ yếu là các cuộc họp trao đổi và chia sẻ những vấn đề kỹ thuật liên quan, hoặc cập nhật hoạt động của các tổ chức/các dự án về REDD+. Trước mỗi cuộc họp, các bài trình bày, thông tin về chương trình, thời gian, địa điểm họp sẽ được các tổ chức/cá nhân liên quan gửi đến tất cả các thành viên của Mạng lưới thông qua địa chỉ email chung red-network-vn@googlegroups.com và/hoặc yêu cầu Đơn vị điều phối là VRO đăng tải trên trang web <http://www.vietnam-redd.org> của Mạng lưới. Những cá nhân quan tâm có thể đăng ký tham gia trực tiếp với VRO.

4.1.2 Mạng lưới VNGO-FLEGT

Bối cảnh và quá trình hình thành Mạng lưới

Hiệp định đối tác tự nguyện (VPA) trong khuôn khổ FLEGT là Hiệp định thương mại cấp chính phủ giữa Liên minh Châu Âu (EU) và chính phủ của các quốc gia đối tác có các sản phẩm gỗ được tiêu thụ tại thị trường EU. Mục đích của Hiệp định này là đảm bảo gỗ và đồ gỗ xuất khẩu vào thị trường EU có nguồn gốc hợp pháp.

Cơ quan chủ trì đàm phán phía Việt Nam là Bộ NN&PTNT với sự tham gia của các Bộ Ngoại giao, Tư pháp, Công thương, Tài chính và Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam. Phía EU, cơ quan chủ trì đàm phán là Tổng cục Môi trường thuộc Phái đoàn EU tại Brussels, Bỉ với vai trò trung gian hỗ trợ của Viện Lâm nghiệp Châu Âu (EFI) cho cả hai bên. Khởi động tiến trình đàm phán từ đầu tháng 5 năm 2010, đến cuối 2013 Việt Nam và EU đã chính thức tiến hành 3 phiên đàm phán cấp cao về Hiệp định VPA/FLEGT vào các tháng 11 năm 2010, tháng 11 năm 2011 và tháng 11 năm 2012; 7 cuộc họp trực tiếp và 15 cuộc họp trực tuyến cấp chuyên viên giữa hai bên¹⁰. Mặc dù thời hạn về dự kiến kết thúc đàm phán vẫn chưa xác định cụ thể, nhưng hai bên cơ bản đã thống nhất cấu trúc nội dung của Hiệp định (khoảng 30 điều) và 10 Phụ lục kèm theo. Một trong những phụ lục quan trọng nhất của Hiệp định FLEGT VPA chính là Định nghĩa gỗ hợp pháp (LD) của Việt Nam, bao gồm các quy định liên quan đến khai thác, nhập khẩu, vận chuyển, chế biến đến khi xuất khẩu sản phẩm gỗ ở các khía cạnh khác nhau (đất đai, môi trường, thuế/tài chính, lao động mà các chủ rừng là hộ gia đình và tổ chức phải tuân thủ. Phụ lục này là nền tảng để xây dựng Phụ lục quan trọng khác là Hệ thống đảm bảo tính hợp pháp của gỗ (TLAS).

Để hỗ trợ cho quá trình đàm phán, tháng 8 năm 2010, Bộ trưởng Bộ NN&PTNT đã ra quyết định thành lập Ban chỉ đạo về FLEGT và Lacey¹¹ với 09 người do một Thứ trưởng phụ trách lâm nghiệp làm Trưởng ban, lãnh đạo Tổng cục Lâm nghiệp làm Phó trưởng ban, và 07 thành viên khác là lãnh đạo của các cơ quan trực thuộc Bộ NN&PTNT (như Vụ HTQT, Vụ Kế hoạch, Cục Chế biến, Thương mại Nông Lâm Thủy sản và Nghề muối), TCLN (Vụ KHCN&HTQT, Vụ Sử dụng rừng (SDR), CKL), và VIFORES đại diện cho khối doanh nghiệp. Ban chỉ đạo có nhiệm vụ nghiên cứu và đề xuất với Bộ trưởng các định hướng và giải pháp giải quyết các vấn đề quan trọng thuộc trách nhiệm của Bộ NN&PTNT, phục vụ công tác chỉ đạo, phối hợp các cơ quan liên quan để đáp ứng các yêu cầu và quy định của FLEGT và Lacey. Ban chỉ đạo cũng có trách nhiệm báo cáo cho Bộ trưởng về tiến trình, nội dung và kết quả đàm phán để có sự chỉ đạo kịp thời. Dưới Ban chỉ đạo về FLEGT và Lacey là Đoàn đàm phán FLEGT VPA do TCLN. Giúp việc cho Ban chỉ đạo và Đoàn đàm phán là Văn phòng thường trực FLEGT và Lacey, Tổ chuyên gia kỹ thuật và các Tổ công tác.

- Văn phòng thường trực FLEGT và Lacey trực thuộc TCLN; Chánh văn phòng thường trực là Phó Vụ trưởng Vụ KHCN&HTQT của TCLN, và tham gia thành viên của cả Tổ chuyên gia kỹ thuật và các Tổ công tác.
- Tổ chuyên gia kỹ thuật Việt Nam: gồm có 15 thành viên từ Bộ NN&PTNT, Bộ Công Thương, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Tổng cục Hải quan, Tổng cục Lâm nghiệp, VIFORES và các chuyên gia có kinh nghiệm thuộc ngành lâm nghiệp và thương mại gỗ. Trưởng nhóm chuyên gia kỹ thuật là Phó Tổng cục trưởng TCLN. Tổ chuyên gia kỹ thuật của Việt Nam và EU trực tiếp tham gia các cuộc họp Nhóm chuyên gia kỹ thuật hỗn hợp (JEM) để bàn luận và chuẩn bị nội dung cho các phiên họp đàm phán chính thức.

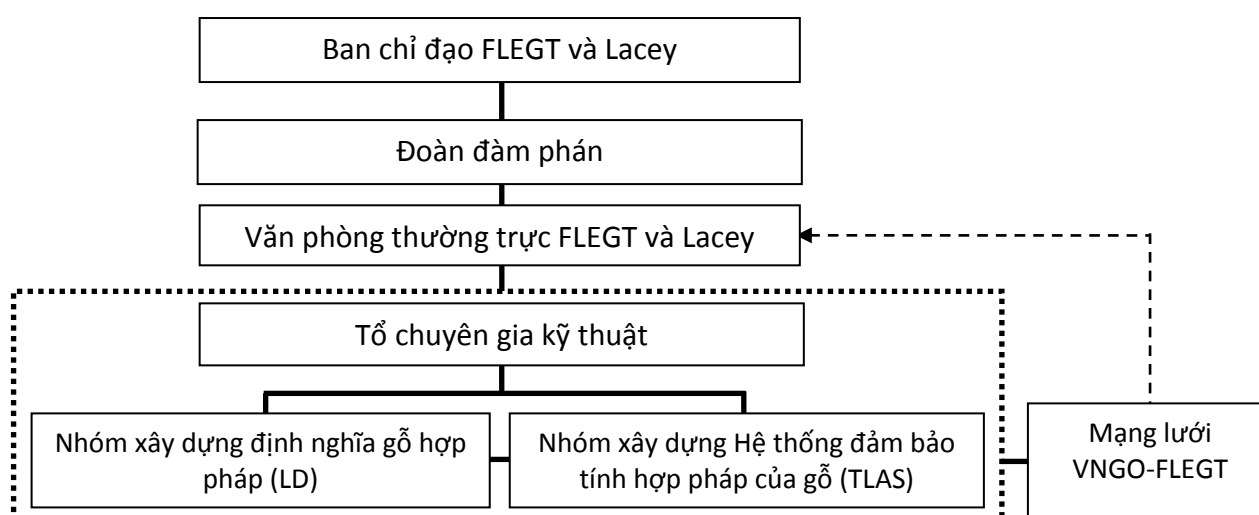
¹⁰ Báo cáo quá trình xây dựng và tham vấn về định nghĩa gỗ hợp pháp (phụ lục 2) của Hiệp định VPA/FLEGT giữa Việt Nam-EU ngày 24 tháng 07 năm 2013 của Tổng cục Lâm nghiệp.

¹¹ Quyết định số 2199/QĐ-BNN-TCCB ngày 17 tháng 08 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT về thành lập Ban chỉ đạo về FLEGT và Lacey.

- Tổ soạn thảo Định nghĩa gỗ hợp pháp: do TCLN ra quyết định 12 thành lập tháng 9 năm 2011, gồm có 11 thành viên do Vụ trưởng Vụ SDR làm Tổ trưởng. Ngoài đại diện các cơ quan nhà nước liên quan, thành viên Tổ này còn có đại diện VIFORES, WWF và Viện Gỗ và Lâm sản ngoài gỗ.
- Tổ xây dựng Hệ thống đảm bảo tính hợp pháp của gỗ: do Tổng cục Lâm nghiệp ra quyết định 13 thành lập tháng 9 năm 2011, gồm có 11 thành viên do Cục trưởng CKL làm Tổ trưởng. VIFORES, WWF và Viện Gỗ và Lâm sản ngoài gỗ cũng là thành viên của tổ này.

Cơ cấu các bộ phận liên quan trực tiếp tham gia hoặc hỗ trợ tiến trình đàm phán của Việt Nam được thể hiện trong sơ đồ ở dưới. Trong đó, Văn phòng thường trực FLEGT và Lacey đóng vai trò là cơ quan đầu mối, điều phối, chuẩn bị và hỗ trợ cho Đoàn đàm phán, Tổ chuyên gia và các Tổ công tác làm việc. Các hoạt động kết nối để tổ chức tham vấn, thu thập ý kiến góp ý của các bên liên quan cho văn kiện đàm phán FLEGT VPA cũng thông qua Văn phòng thường trực này.

Sơ đồ 2: Tổ chức hoạt động liên quan đến đàm phán VPA/FLEGT tại Việt Nam



Hình thành và phát triển Mạng lưới

Mạng lưới các tổ chức phi chính phủ Việt Nam về Thực thi lâm luật, Quản trị rừng và Thương mại Lâm sản (VNGO-FLEGT) là một tập hợp các tổ chức ngoài nhà nước và chuyên gia quan tâm đến FLEGT và tiến trình đàm phán VPA và theo tinh thần tự nguyện, được khởi động thành lập và vận hành từ tháng 01 năm 2012. Đây là một sáng kiến do FERN - một tổ chức phi chính phủ về giám sát các chính sách lâm nghiệp của EU đề xuất và thúc đẩy nhằm kết nối và hỗ trợ các tổ chức phi chính phủ Việt Nam tham gia vào tiến trình đàm phán FLEGT VPA giữa Việt Nam và EU đang diễn ra. Sáng kiến tương tự cũng đã được FERN thực hiện ở các quốc gia đàm phán, ký kết VPA với EU ở Châu Phi như Liberia, Ghana hoặc Cameroon.

Từ đầu năm 2011, chuyên gia của FERN tiếp xúc với một số tổ chức NGOs của Việt Nam để giới thiệu về FLEGT và tiến trình đàm phán VPA của Việt Nam, đồng thời nhấn mạnh cần có sự tham gia của các tổ chức xã hội dân sự để chuyển tải tiếng nói của các cộng đồng địa phương có quyền và lợi ích liên quan đến FLEGT VPA vào hoạt động chuẩn bị, đàm phán và thực hiện của nhà nước. Các tổ chức

¹² Quyết định 424/QĐ-TCLN-KH&HTQT ngày 06 tháng 09 năm 2011 của TCLN về thành lập Tổ soạn thảo Định nghĩa gỗ hợp pháp.

¹³ Quyết định 423/QĐ-TCLN-KH&HTQT ngày 06 tháng 09 năm 2011 của TCLN về thành lập Tổ xây dựng Hệ thống đảm bảo tính hợp pháp của gỗ.

NGOs hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp, bảo tồn thiên nhiên và phát triển cộng đồng đã bày tỏ sự quan tâm và cam kết phối hợp với nhau thực hiện sáng kiến này dưới hình thức Mạng lưới. Hơn 10 tổ chức NGOs ở khu vực phía Bắc và Nam đã được tham vấn, nhưng chỉ có 04 cơ quan ở Hà Nội thực sự ủng hộ sáng kiến này là Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển vùng cao (CERDA), Trung tâm Phát triển bền vững miền núi (CSDM), Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature) và Trung tâm Phát triển nông thôn bền vững (SRD). Bốn tổ chức này xác lập thành nhóm nòng cốt để phát triển Mạng lưới.

Tại cuộc họp đầu tiên vào cuối tháng 12 năm 2011, các tổ chức nòng cốt đã thống nhất thành lập Ban điều hành (BDH) Mạng lưới do tổ chức SRD làm Trưởng ban do đã có kinh nghiệm quản lý và điều hành Mạng lưới các tổ chức xã hội dân sự về Biến đổi khí hậu ở Việt Nam, còn CERDA, CSDM và PanNature là thành viên BDH. Các nhiệm vụ ban đầu của BDH để phát triển Mạng lưới gồm có:

- Dự thảo quy chế Mạng lưới và mời các tổ chức NGOs tham gia Mạng lưới;
- Đề xuất hoạt động chính của Mạng lưới trong năm đầu tiên (2012) để tiếp nhận tài trợ từ FERN và giao cho SRD quản lý tài trợ dự án cho Mạng lưới;
- Bàn luận cơ chế làm việc giữa các tổ chức BDH và với thành viên Mạng lưới; và
- Góp ý cho dự thảo của Phụ lục Định nghĩa gỡ hợp pháp (LD) của Việt Nam theo thông báo của TCLN.

Sau 2 năm hoạt động, Mạng lưới VNGO-FLEGT đã phát triển về số lượng thành viên (với 31 tổ chức tham gia) và mở rộng phạm vi hoạt động, tạo nên diễn đàn cho các tổ chức phi chính phủ học hỏi và đóng góp vào tiến trình đàm phán FLEGT VPA của Việt Nam với EU.

Mục tiêu, nhiệm vụ và nguyên tắc hoạt động của Mạng lưới

Mục tiêu

Theo Quy chế Mạng lưới, Mạng lưới VNGO-FLEGT nhằm mục tiêu chính là tham gia, đóng góp tích cực và có giá trị vào quá trình đàm phán và thực thi FLEGT VPA giữa Chính phủ Việt Nam và EU, từ đó góp phần thực hiện kế hoạch quản lý, bảo vệ và phát triển rừng của Việt Nam, thúc đẩy chính sách cho phép cộng đồng địa phương sống trong rừng và dựa vào rừng được tiếp cận, sử dụng, quản lý, bảo vệ và phát triển rừng một cách công bằng và bền vững. Mạng lưới thực hiện mục tiêu này thông qua:

- Liên kết các thành viên Mạng lưới trong các hoạt động liên quan đến FLEGT VPA;
- Tăng cường năng lực và thúc đẩy sự tham gia của các tổ chức xã hội dân sự và cộng đồng vào quá trình đàm phán và thực thi FLEGT VPA giữa Chính phủ Việt Nam và EU;
- Liên kết với các tổ chức và Mạng lưới khác trong và ngoài nước trong việc chia sẻ và học hỏi các thông tin, kinh nghiệm liên quan đến FLEGT VPA; và
- Tham vấn với Tổng cục Lâm nghiệp và các cơ quan liên quan, các đối tác trong nước và quốc tế trong các vấn đề liên quan đến FLEGT VPA .

Thông qua Mạng lưới, các tổ chức phi chính phủ địa phương sẽ được tăng cường hiểu biết và năng lực để tham gia vận động đảm bảo các quyền và giá trị xã hội và môi trường của các cộng đồng dân cư lâm nghiệp địa phương trong nội dung đàm phán FLEGT VPA với phía EU nói riêng và quá trình xây dựng, cải cách chính sách lâm nghiệp quốc gia nói chung.

Nhiệm vụ

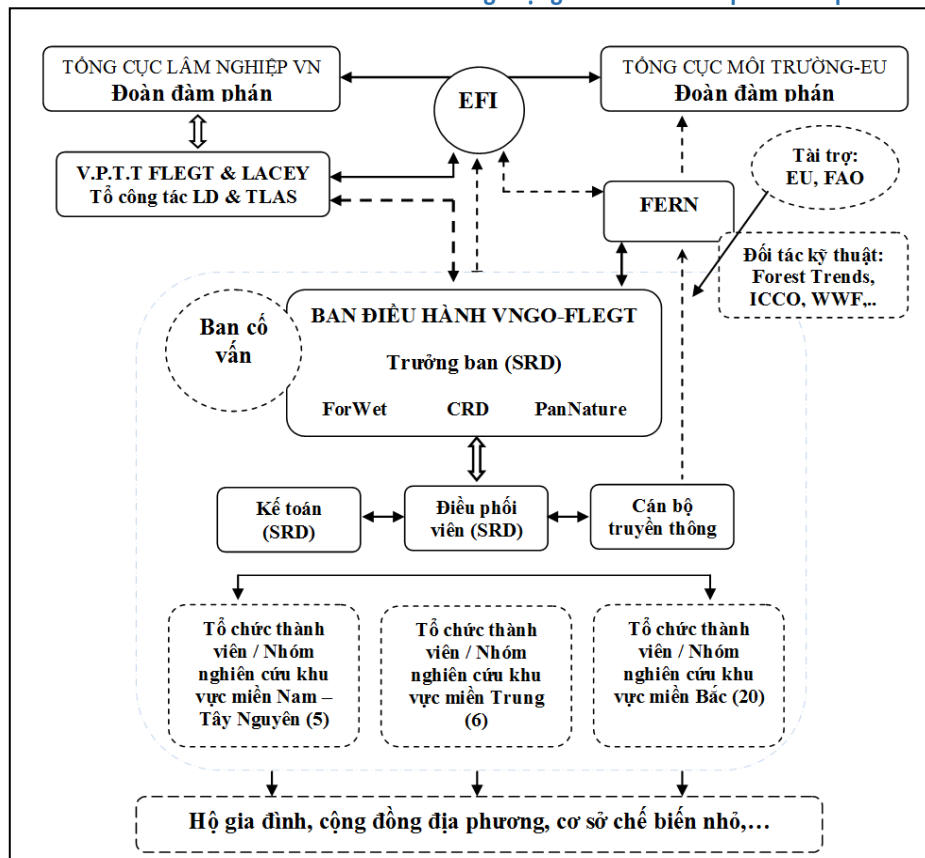
- Chia sẻ thông tin, kinh nghiệm về các vấn đề liên quan tới FLEGT VPA với các bên liên quan trong và ngoài nước;
- Hỗ trợ các tổ chức thành viên nâng cao năng lực liên quan tới FLEGT VPA;
- Điều phối các hoạt động liên quan đến FLEGT VPA giữa các tổ chức thành viên nhằm phát huy hiệu quả hoạt động của Mạng lưới;
- Phản ánh các thông tin liên quan FLEGT VPA từ cộng đồng địa phương tới Tổng cục Lâm nghiệp và các bên liên quan khác.

Theo quy chế của Mạng lưới, các thành viên tham gia phải tuân thủ các nguyên tắc sau: tự nguyện, cam kết, bình đẳng và dân chủ, tự chủ, công khai minh bạch và thông tin kịp thời.

Cấu trúc tổ chức Mạng lưới

Mạng lưới VNGO-FLEGT là một thiết chế không chính thức, không có tư cách pháp nhân nhưng có tính mở và hoạt động độc lập. Cấu trúc của Mạng lưới gồm có 03 bộ phận chính: (i) Ban điều hành Mạng lưới; (ii) Thành viên Mạng lưới; và (iii) Cố vấn Mạng lưới. Sơ đồ 3 mô tả cấu trúc của Mạng lưới.

Sơ đồ 3: Cơ cấu tổ chức và liên kết trong Mạng lưới và các cơ quan liên quan



Ban điều hành Mạng lưới

Ban điều hành hiện tại của Mạng lưới gồm có đại diện của 4 tổ chức là SRD, PanNature, Trung tâm Phát triển nông thôn miền Trung (CRD) và Trung tâm bảo tồn rừng và đất ngập nước (FORWET). Đây là Ban điều hành mới được hình thành từ tháng 10/2012 sau khi 2 tổ chức nòng cốt ban đầu là CERDA và CSDM rút khỏi

BĐH và từ chối tham gia Mạng lưới do những bất đồng về phối hợp quản lý và thực hiện dự án tài trợ. Trong BĐH có ForWet, CRD và PanNature hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp. Giám đốc của SRD hiện là Trưởng ban điều hành. SRD cũng đảm nhận vai trò là cơ quan đầu mối tiếp nhận, quản lý, điều phối và triển khai các dự án của Mạng lưới. Hỗ trợ cho BĐH là Điều phối viên Mạng lưới và cán bộ kế toán là nhân sự của SRD, và một cán bộ truyền thông là nhân sự của PanNature. Ngoài ra, trực tiếp tham gia và chi phối vào tất cả hoạt động của BĐH còn có Trưởng phòng Biến đổi Khí hậu (BĐKH) của SRD và đại diện khác của CRD, nên số lượng thành viên thực tế của BĐH hiện tại là 6 người.

Thành viên Mạng lưới

Thông báo mời gọi các tổ chức phi chính phủ Việt Nam tham gia Mạng lưới VNGO-FLEGT được SRD và các tổ chức BĐH công bố vào giữa năm 2012 sau khi dự án đầu tiên của Mạng lưới do FERN thông qua hỗ trợ tài chính từ DFID bắt đầu triển khai¹⁴. Tính đến tháng 10 năm 2013, Mạng lưới VNGO-FLEGT đã có 31 thành viên đăng ký là các tổ chức phi chính phủ

trong nước ở cấp quốc gia và địa phương và một số chuyên gia.¹⁵ Trong đó có 12 tổ chức thành viên có văn phòng tại Hà Nội; 8 tổ chức đến từ các tỉnh miền núi phía Bắc như Cao Bằng, Yên Bái, Phú Thọ, Thái Nguyên và Hà Giang; 6 tổ chức từ miền Trung, bao gồm Thanh Hóa và Thừa Thiên Huế; và 5 tổ chức ở khu vực miền Nam và Tây Nguyên, bao gồm thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Tháp và Đắk Lắk.

Bảng 2: Số thành viên Mạng lưới VNGO-FLEGT

Vùng	Hà Nội	Khu vực phía Bắc (trừ Hà Nội)	Khu vực miền Trung	Khu vực phía Nam và Tây Nguyên	Tổng
Số tổ chức	12	8	6	5	31
Tỉ lệ %	38,7	25,8	19,4	16,1	100,0

Nguồn: Tổng hợp từ nguồn SRD, tháng 10 năm 2013.

Các thành viên hiện tại có chuyên môn và lĩnh vực hoạt động khá đa dạng, thể hiện qua một số đặc điểm như sau:

- Có ít nhất 15 tổ chức có kinh nghiệm về hoạt động lâm nghiệp như: quản lý bảo vệ rừng, giao đất giao rừng, lâm nghiệp cộng đồng, điều tra và quy hoạch rừng;
- Có ít nhất 15 tổ chức đã và đang thực hiện các dự án về phát triển cộng đồng, có kinh nghiệm làm việc với các cộng đồng địa phương;
- Có ít nhất 8 tổ chức có kinh nghiệm/năng lực về thực hiện các nghiên cứu thực chứng về lâm nghiệp và lĩnh vực khác;
- Có ít nhất 5 tổ chức đã từng có kinh nghiệm về phản biện, góp ý cho quá trình xây dựng chính sách của Bộ NN&PTNT hoặc tổ chức đối thoại chính sách;
- Phần lớn các tổ chức thành viên có kinh nghiệm về tham vấn, nâng cao nhận thức và tập huấn tăng cường năng lực cho cộng đồng;
- Có ít nhất 3 tổ chức có kinh nghiệm phối hợp với (phóng viên) báo chí trong việc thông tin các sự kiện của tổ chức (như hội thảo) hoặc cùng sản xuất các phóng sự truyền hình;

¹⁴ Dự án “Thực thi FLEGT: Thúc đẩy quản trị rừng hiệu quả trong ngành lâm nghiệp” do FERN/DFID tài trợ giai đoạn 2012-2014 cho VNGO-FLEGT.

¹⁵ Trung tâm Phát triển Nông thôn Bền vững (SRD). Danh sách thành viên Mạng lưới VNGO-FLEGT. Tháng 10 năm 2013.

- Có ít nhất 5 cá nhân là thành viên Mạng lưới có trình độ học vị Tiến sĩ về lĩnh vực lâm nghiệp và phát triển nông thôn;
- Không có thành viên nào hoạt động trong lĩnh vực tư vấn pháp luật lâm nghiệp.

Trong cơ cấu của mình, Mạng lưới mặc định hình thành 3 nhóm thành viên theo các khu vực và mỗi nhóm do một tổ chức thành viên BĐH chịu trách nhiệm liên kết, điều phối, giám sát với các tổ chức thành viên trên địa bàn để triển khai các hoạt động dự án: SRD là trưởng nhóm khu vực phía Bắc, CRD là trưởng nhóm khu vực miền Trung, và Forwet là trưởng nhóm khu vực miền Nam.

Cố vấn Mạng lưới

Thiết chế này chính thức bắt đầu được hình thành và tham gia từ năm 2014 khi các chuyên gia của Forest Trends (TS. Tô Xuân Phúc) và SRD (TS. Vũ Văn Triệu) đồng ý đảm nhận vai trò cố vấn kỹ thuật cho VNGO-FLEGT theo hình thức tự nguyện. Đây là những chuyên gia có nhiều nghiên cứu và kinh nghiệm về quản trị lâm nghiệp, giao đất giao rừng, quyền cộng đồng trong lâm nghiệp, FLEGT, REDD+, chính sách quản lý tài nguyên và/hoặc hoạt động của tổ chức phi chính phủ ở Việt Nam.

Cơ cấu quản trị và ra quyết định của Mạng lưới

Cơ cấu quản trị của Mạng lưới, bao gồm thẩm quyền, thủ tục ra quyết định và hình thức thực hiện được thể hiện qua Quy chế tổ chức và hoạt động của Mạng lưới VNGO-FLEGT do SRD cung cấp dựa theo kinh nghiệm từ Quy chế của Mạng lưới các Tổ chức phi chính phủ Việt Nam và Biến đổi Khí hậu (VNGO-CC) do chính tổ chức này chủ trì. Bảng 3 tóm tắt trách nhiệm và thẩm quyền của các cơ cấu trong Mạng lưới được sắp xếp theo trục dọc tương ứng với vị trí và chức năng liên quan.

Bảng 3: Trách nhiệm và thẩm quyền của các cơ cấu Mạng lưới VNGO-FLEGT

Cơ cấu	Trách nhiệm và thẩm quyền	Phân công
Ban cố vấn	Tư vấn cho BDH và Điều phối viên về: <ul style="list-style-type: none"> • Định hướng chiến lược Mạng lưới dựa trên kinh nghiệm quốc tế và bối cảnh trong nước; • Tư vấn về kỹ thuật lĩnh vực về lâm nghiệp nói chung, lâm nghiệp cộng đồng, chính sách và luật pháp liên quan tới FLEGT VPA; • Thúc đẩy kết nối Mạng lưới với các cơ quan chính phủ để thực hiện vận động chính sách 	Năm 2012/2013 chưa có Ban cố vấn. Năm 2014 đã có chuyên gia của Forest Trends, SRD đồng ý tham gia Ban cố vấn.
BDH	<ul style="list-style-type: none"> • Đại diện cho Mạng lưới tham gia, đóng góp tích cực và có giá trị vào quá trình đàm phán và thực thi FLEGT VPA giữa Chính phủ Việt Nam và EU; • Xây dựng định hướng, chiến lược và chương trình hoạt động cho Mạng lưới; • Phê duyệt kế hoạch phát triển dài hạn (mang tính chiến lược) của Mạng lưới; • Phê duyệt kế hoạch hoạt động, báo cáo hoạt động và báo cáo tài chính hàng năm của Mạng lưới và các dự án của Mạng lưới; • Phê chuẩn điều phối viên, cán bộ truyền thông, kế toán, thủ quỹ do Trưởng BDH giới thiệu để tuyển dụng. 	Từ 4-6 người. BDH hiện tại có 04 đại diện lãnh đạo của SRD, CRD, Forwet và PanNature
Trưởng BDH	<ul style="list-style-type: none"> • Quản lý chung toàn bộ các hoạt động của Mạng lưới, để thực hiện được các chiến lược, kế hoạch và chương trình hành động do BDH đề ra; Đại diện cho BDH trong các quan hệ giao dịch với các bên liên quan; • Chỉ đạo thực hiện các kế hoạch hoạt động, báo cáo hoạt động và báo cáo tài chính định kỳ của các dự án của Mạng lưới; • Xúc tiến việc tìm kiếm nguồn tài chính cho hoạt động của Mạng lưới; • Quản lý và chịu trách nhiệm trước nhà tài trợ về nguồn tài chính chung của Mạng lưới; • Tuyển dụng và đánh giá hoạt động của điều phối viên, cán bộ truyền thông và kế toán cho Mạng lưới; • Giao nhiệm vụ cho các chuyên gia tư vấn kỹ thuật về các nội dung tư vấn cho Mạng lưới. 	Giám đốc SRD
Thành viên BDH kiêm Điều phối vùng Bắc, Trung và Nam	<ul style="list-style-type: none"> • Thực hiện nhiệm vụ của BDH do Trưởng Ban phân công; • Điều phối hoạt động của Mạng lưới trong khu vực; • Kết nối và mở rộng thành viên Mạng lưới của khu vực được giao; • Đóng vai trò cầu nối giữa các tổ chức thành viên tại khu vực của mình với BDH và với các tổ chức thành viên khu vực khác. 	Cơ cấu này không vận hành giai đoạn 2012/2013. Chỉ mặc định theo nhóm nghiên cứu chuyên đề các khu vực.
Điều phối viên	<ul style="list-style-type: none"> • Quản lý các hoạt động thường ngày của Mạng lưới và các dự án của Mạng lưới; • Chuyển các thông tin cập nhật về VPA/FLEGT và những quyết định của BDH tới tổ chức thành viên; • Giữ liên lạc với đối tác và các bên liên quan hiện tại và tiềm năng; 	Cán bộ SRD

	<ul style="list-style-type: none"> • Tham vấn ý kiến của Trưởng ban để trả lời thư hoặc yêu cầu của các bên liên quan về Mạng lưới; • Viết các báo cáo hàng năm của Mạng lưới và báo cáo định kỳ của dự án Mạng lưới; • Điều phối và chuẩn bị cho các cuộc họp giữa các thành viên BDH và Mạng lưới (nếu được yêu cầu); • Phát triển và bảo quản các cơ sở dữ liệu của Mạng lưới và các dự án của Mạng lưới. 	
Cán bộ truyền thông	<ul style="list-style-type: none"> • Thu thập các thông tin liên quan tới VPA/FLEGT, lâm nghiệp nói chung, lâm nghiệp cộng đồng, quản trị rừng tại Việt Nam để cập nhật trên website www.loggingoff.info và gửi tới Điều phối viên; • Phối hợp với cán bộ quản trị mạng của trang web www.loggingoff.info để quản trị trang thông tin của Mạng lưới tại Việt Nam; • Là đầu mối liên lạc với giới truyền thông liên quan tới các hoạt động của Mạng lưới; • Soạn thảo thông cáo báo chí, các bài về các sự kiện mới của Mạng lưới, các dự án của Mạng lưới để công bố trên các phương tiện truyền thông của Việt Nam (cả tiếng Anh và Việt) theo sự phân công và phê duyệt của Trưởng ban điều hành. 	Cán bộ PanNature giai đoạn 2012/2013
Tổ chức thành viên	<ul style="list-style-type: none"> • Giữ liên lạc thường xuyên với Mạng lưới; • Tham gia các cuộc họp thành viên của Mạng lưới; • Tham gia xây dựng dựng chiến lược và chương trình hoạt động của Mạng lưới; • Đóng góp tích cực trong các hoạt động chung (hoạt động tư vấn, phản biện chính sách, vận động tài trợ....); • Tuân thủ điều lệ của Mạng lưới. 	Đến tháng 10 năm 2013 có 31 thành viên là tổ chức NGOs và cá nhân (chuyên gia)

4.2 Đánh giá hiệu quả hoạt động Mạng lưới

Phần này thảo luận hiệu quả của bản thân cấu trúc tổ chức quản lý và vận hành của hai Mạng lưới REDD+ và VNGO-FLEGT, và hiệu quả của hai Mạng lưới xét trên khía cạnh (i) Tăng cường sự tham gia của các bên liên quan, (ii) Nâng cao nhận thức và năng lực cho các thành viên, và (iii) Tác động đến quá trình xây dựng và phát triển chính sách.

4.2.1 Hiệu quả Mạng lưới REDD+

Hiệu quả tổ chức quản lý và vận hành

Qua phân tích các tài liệu, quan sát trực tiếp và phỏng vấn các bên liên quan, cơ chế tổ chức quản lý và vận hành của Mạng lưới REDD+ được ghi nhận có những điểm tích cực là có tính pháp lý và có sự tham gia quản lý điều hành trực tiếp của cơ quan nhà nước, với vai trò trách nhiệm được xác định rõ ràng, cụ thể; các hoạt động thể hiện được tính dân chủ và không có sự phân biệt giữa các thành phần tham gia; Mạng lưới được tổ chức có tính mở, tạo điều kiện cho tất cả các bên quan tâm có thể tham gia.

Cụ thể, Mạng lưới REDD+ được hình thành theo quyết định thành lập chính thức của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT - cơ quan được chính phủ giao nhiệm vụ đầu mối và chịu trách nhiệm chính thực hiện chuẩn bị thực thi REDD+. Đồng thời Mạng lưới cũng được đặt dưới sự điều hành và quản lý trực tiếp của VRO và các lãnh đạo của TCLN. Các bộ phận và vị trí liên quan đều có vai trò, trách nhiệm được xác định rõ ràng. Tuy những kết quả trên có một phần nguyên nhân từ những tác động của các nhà tài trợ và đối tác quốc tế, nó cho thấy đã có sự quan tâm nghiêm túc và chỉ đạo cụ thể của phía cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động của Mạng lưới, đồng thời đã có gắn trách nhiệm của phía cơ quan nhà nước trong hoạt động của Mạng lưới. Đây là điểm khởi đầu thuận lợi để hiệu quả về hoạt động vận động chính sách sẽ có tác động tốt hơn. Bên cạnh đó, việc tổ chức hoạt động theo Tiểu nhóm kỹ thuật cũng tạo điều kiện cho những thảo luận/trao đổi được sâu và phù hợp với từng đối tượng tham gia có chuyên môn khác nhau.

Việc hình thành và đưa vào hoạt động Mạng lưới REDD+ và trang web của Mạng lưới đã tạo được một diễn đàn tốt thu hút được nhiều bên tham gia--cơ quan quản lý cấp trung ương, các nhà tài trợ quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, chuyên gia độc lập--đóng góp, chia sẻ và học hỏi lẫn nhau về các vấn đề liên quan. Mạng lưới REDD+ là số ít Mạng lưới tại Việt Nam có thể tạo được diễn đàn chung cho cơ quan quản lý và các bên liên quan, các thành viên tham gia được tự do nêu ý kiến/quan điểm của mình trong các cuộc họp. Điều này thể hiện sự cởi mở và dân chủ trong hoạt động của Mạng lưới. Tính mở của Mạng lưới cũng tạo điều kiện và khuyến khích các bên quan tâm tham gia. Cơ chế điều hành thảo luận theo mô hình đồng chủ tọa với vị trí đồng chủ tọa giúp các nội dung thảo luận được tập trung và có tính tiếp nối, kế thừa.

Bên cạnh những điểm tích cực, hiện Mạng lưới có những mặt hạn chế về kinh phí nhằm duy trì hoạt động của Mạng lưới; tính quyết định và vai trò lãnh đạo hoạt động Mạng lưới; sự đầu tư thỏa đáng về thời gian và nhân sự từ phía chính phủ. Cụ thể, việc hình thành 6 Tiểu nhóm kỹ thuật khác nhau như trên thực tế do các dự án REDD+ triển khai tại Việt Nam đề xuất với phía chính phủ VN để thành lập. Chi phí hoạt động cũng như nội dung trao đổi trong các cuộc họp tiểu nhóm phần lớn do những Tổ chức đề xuất hình thành tiểu nhóm chi trả và quyết định. Chính phủ VN không có nguồn kinh phí ổn định, độc lập và tự quyết dùng cho các hoạt động của Mạng lưới. Việc phụ thuộc kinh phí hoạt động vào những tổ chức khác khiến tính quyết định của phía chính phủ đối với nội dung trao đổi tương đối yếu. Phỏng vấn trực tiếp nhiều thành viên của Mạng lưới cho thấy, mặc dù cơ chế điều hành hoạt động Tiểu nhóm kỹ thuật được chủ trì bởi VRO và đồng chủ trì bởi tổ chức/dự án hỗ trợ, hầu hết các cuộc họp Tiểu nhóm kỹ thuật do phía đồng chủ trì khởi xướng và chủ động đệ trình nội dung, chương trình với VRO. VRO có vai trò yếu trong việc quyết định các nội dung của các Tiểu nhóm.

Cơ cấu tổ chức phức tạp, nhiều thiết chế (Ban chỉ đạo, VRO, Ban điều hành Mạng lưới, Tiểu nhóm kỹ thuật ...) trong khi nhân sự phía cơ quan quản lý hạn chế làm ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động, đặc biệt về các khía cạnh như tính kịp thời, sâu sát, mức độ điều phối, hỗ trợ. Vai trò lãnh đạo trong hoạt động Mạng lưới không rõ ràng, cụ thể là những người đồng chủ trì (co-chair) trong các cuộc họp không có tiếng nói quyết định (không phải là người ra quyết định) về mặt chính sách đối với mọi vấn đề được đưa ra thảo luận và góp ý, do đó hiệu quả của các thảo luận, định hướng hoạt động và vận động không cao. Phần lớn những người được phỏng vấn chia sẻ rằng các cuộc họp, trao đổi thường có nhiều kiến nghị có nội dung liên quan trực tiếp đến chính sách, nhưng các kiến nghị thường chỉ được chủ tọa “ghi nhận thông tin” mà không rõ chúng có được sử dụng để ra quyết định hay không, có được chuyển tải lên các cấp lãnh đạo cao hơn hay không. Phần lớn những người được phỏng vấn cũng cho rằng hiện đang rất thiếu những chuyên gia thật sự hiểu biết về REDD+ từ phía chính phủ. Một số ít những người có năng lực thật sự lại đang nắm những vị trí quản lý trong hệ thống nhà nước, do vậy không đầu tư được đầy đủ cho các thảo luận, trao đổi về REDD+. Điều này hạn chế tính hiệu quả trong hoạt động của Mạng lưới. Một số những điểm hạn chế khác của cơ chế quản lý và vận hành Mạng lưới, bao gồm:

- Hoạt động của Tổ công tác kỹ thuật yếu: không liên tục, thay đổi nhân sự/người đại diện tham gia, thiếu tính kế thừa;
- Mạng lưới có quyết định thành lập với nhiệm vụ rõ ràng, nhưng thành phần tham gia mở, có thể thay đổi, do đó ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động;
- Một nửa số Tiểu nhóm kỹ thuật không có Điều khoản tham chiếu rõ ràng;
- Không có Tiểu nhóm kỹ thuật nào đạt được yêu cầu nêu trong quy định là họp định kỳ 2 tháng 1 lần. Tiểu nhóm kỹ thuật có tần suất hoạt động cao nhất là Tiểu nhóm Kỹ thuật các Biện pháp đảm bảo an toàn (trung bình 4,8 tháng họp 1 lần). Tiểu nhóm Khu vực Tư nhân có tần suất thấp nhất (14,5 tháng/lần);
- Các tài liệu do cán bộ văn phòng VRO cung cấp cho thấy nhiều thành viên đăng ký tham gia Mạng lưới không cung cấp đầy đủ thông tin về bản thân và tổ chức của mình, do đó không xác định được cụ thể các thành viên và tổ chức tham gia Mạng lưới thuộc địa phương và vùng nào, hoạt động trong lĩnh vực nào. Điều này có thể làm giảm tính hiệu quả của hoạt động Mạng lưới.

Sự tham gia

Mạng lưới đã tạo ra một diễn đàn lớn với số lượng thành viên đăng ký tham gia Mạng lưới cao (199 thành viên) thuộc 79 tổ chức là cơ quan quản lý, Nhà tài trợ, INGO, VNGO, tổ chức nghiên cứu, học thuật, Công ty (Bảng 4). Thực tế số lượng tham gia thậm chí lớn hơn do một số tổ chức, cá nhân mặc dù không đăng ký trở thành thành viên của Mạng lưới nhưng cũng tham gia các cuộc họp tiểu nhóm kỹ thuật, khi có thông tin hoặc được mời. Tuy nhiên, có một thực tế là thành viên Mạng lưới là cán bộ thuộc cơ quan quản lý và VNGO (12% số thành viên thuộc Cơ quan quản lý chiếm và 11% thuộc VNGO). Đối với nhóm cơ quan chính phủ, chỉ có duy nhất 1 người thuộc Bộ TNMT và 1 người thuộc Bộ KHĐT đăng ký làm thành viên Mạng lưới REDD+. Cán bộ/chuyên gia của Nhà tài trợ và các INGO có dự án REDD+ chiếm phần lớn trong số thành viên Mạng lưới. Phần lớn số thành viên Mạng lưới thuộc các INGO là do họ có dự án REDD+.

Tham gia của khu vực tư nhân/doanh nghiệp có các hoạt động liên quan tới rừng vào trong Mạng lưới là rất hạn chế. Tương tự vậy, các cơ quan báo chí cũng hiện chưa tham gia vào Mạng lưới.

Về địa lý, sự tham gia của các địa phương khá hạn chế; phần lớn các tổ chức tham gia đóng tại Hà Nội. Chỉ có một số ít đến từ các tỉnh Lâm Đồng, Sơn La, Điện Biên, và chủ yếu là người ngoài nhà nước, bao gồm cán bộ các dự án tại địa phương, cán bộ các tổ chức phi chính phủ địa phương. Một phần nguyên nhân của hiện tượng này là do thực tế sự quan tâm đến REDD+ còn ở bước sơ khởi, các

địa phương không mấy quan tâm và không nắm rõ định hướng của Trung ương đối với REDD+ ở cấp tỉnh. Đặc biệt, các sự kiện liên quan tới REDD+ chủ yếu diễn ra ở Hà Nội, trong khi các tỉnh thiếu hoặc không có kinh phí hoặc không được hỗ trợ kinh phí tham dự cuộc họp. Nhiều cán bộ địa phương được tiếp xúc cho biết họ tham gia được cuộc họp ở Hà Nội là do kết hợp được với các công việc khác.

Quy định danh sách mở tạo điều kiện cho sự tham gia rộng rãi của các bên quan tâm. Tuy nhiên điều này lại ảnh hưởng đến chất lượng thảo luận. Qua Biên bản cuộc họp và quan sát trực tiếp, phần lớn các tổ chức VNGO có ít, thậm chí không có những đóng góp cụ thể cho các trao đổi, thảo luận liên quan. Phần lớn tham gia để học hỏi, thu thập thông tin, và tìm cơ hội hợp tác và có được dự án/đối tác mới. Các thảo luận, đóng góp ý kiến chủ yếu chỉ tập trung vào một số ít những chuyên gia đến từ cơ quan quản lý, các tổ chức INGO và nhà tài trợ hiện đang triển khai những dự án REDD+.

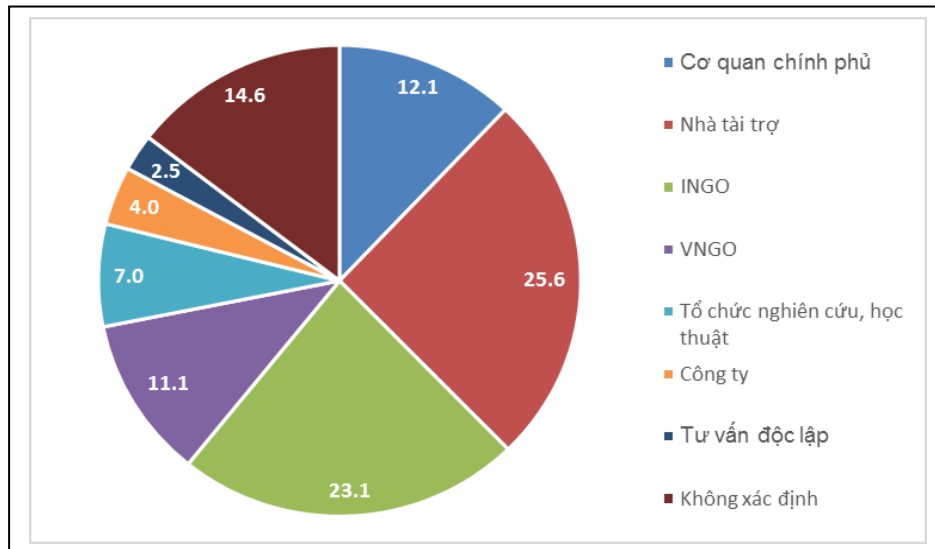
Nhiều thành viên tham gia cuộc họp cho biết bản thân họ và nhiều người tham gia các cuộc họp, trao đổi của Mạng lưới thường không đầy đủ và thường xuyên. Họ tham gia chỉ khi nội dung thảo luận (như được thông báo) hấp dẫn họ, hoặc họ có thời gian rảnh. Những thực tế này dẫn tới việc phần lớn các thành viên tham gia các cuộc thảo luận (của các Tiểu nhóm) không liên tục. Điều này dẫn tới hiện tượng nhiều câu hỏi được đặt không phù hợp, có những vấn đề đã thảo luận/làm rõ ở cuộc họp trước lại được đưa ra, do đó làm giảm chất lượng thảo luận, gây lãng phí thời gian.

Bảng 4: Tổng hợp thành viên Mạng lưới REDD+ Quốc gia

TT	Loại tổ chức thành viên	Số thành viên	% số thành viên trong tổng số	Số tổ chức	% số tổ chức trong tổng số
1.	Cơ quan chính phủ (VRO, VNFOREST, FPD,...)	24	12,1	8	10,1
2.	Nhà tài trợ (UN, JICA, GIZ,...)	51	25,6	22	27,8
3.	INGO (ICRAF, CIFOR, SNV, Forest Trends, RECOFTC, Winrock,...)	46	23,1	21	26,6
4.	VNGO (CSDM, CERDA, PanNature, ...)	22	11,1	14	17,7
5.	Tổ chức nghiên cứu (VFU, FIPI, FSIV,...)	14	7,0	9	11,4
6.	Công ty (IDL, Winrock,...)	8	4,0	5	6,3
7.	Tư vấn độc lập	5	2,5	-	-
8.	Không xác định	29	14,6	-	-
	TỔNG	199	100,0	79	100,0

Nguồn: Tổng hợp từ Danh sách các thành viên Mạng lưới REDD+ Quốc gia (tính đến tháng 7 năm 2013) do VRO cung cấp.

Hình 1: Tỷ lệ thành viên Mạng lưới REDD+ Quốc gia thuộc các nhóm tổ chức khác nhau (%)
(199 thành viên)



Bảng 5: Thông tin về Hoạt động của các Tiểu nhóm kỹ thuật (đến tháng 2/2014)

TT	Một số chỉ số	Tiểu nhóm					
		MRV	LI	BDS	Khu vực tư nhân	Quản trị	SG
1.	Thời gian bắt đầu hoạt động	21/04/2010	20/08/2010	28/04/2011	20/09/2011	21/11/2011	28/02/2012
2.	Thời gian hoạt động đến tháng 2/2014)	46	42	34	29	27	24
3.	Điều khoản tham chiếu và Kế hoạch hoạt động cụ thể	Không	Có	Không	Không	Có	Có
4.	Số lần đã tổ chức họp	9	10	6	2	5	5
5.	Tần suất trung bình các cuộc họp (tháng)	5,1	4,2	5,7	14,5	5,4	4,8
6.	Số cuộc họp có thông tin đăng tải trên trang web của Mạng lưới (số cuộc/% trên tổng số)	8 (89%)	5 (50%)	3 (50%)	0 (0%)	3 (60%)	3 (60%)
7.	Số cuộc họp có Biên bản cuộc họp được đăng tải trên trang web của Mạng lưới (số cuộc/% trên tổng số)	8 (89%)	8 (80%)	4 (67%)	2 (100%)	3 (60%)	5 (100%)
8.	Số người tham gia trung bình một lần họp	18,4	15,5	21,0	-	14,5	31,7

Nguồn: Tổng hợp từ trang web <http://vietnam-redd.org>.

Nâng cao nhận thức và năng lực

Kết quả phỏng vấn các bên liên quan cho thấy khi tham gia Mạng lưới REDD+ và các Tiểu nhóm, các thành viên được trao đổi kiến thức và kinh nghiệm với những người tham gia Mạng lưới; được cập nhật thông tin và học hỏi thêm về REDD+; được biết về các bên tham gia đang làm gì liên quan đến REDD+; tạo được cơ hội tìm kiếm tài trợ và/ hoặc cung cấp dịch vụ (tư vấn) cho cá nhân/tổ chức; nâng cao được uy tín của bản thân/ tổ chức trong phỏng vấn, phần lớn những người trả lời đều khẳng định cập nhật kiến thức về REDD+ là một trong những mục đích quan trọng nhất của họ, do REDD+ vẫn còn rất mới mẻ đối với họ. Đa số những người trả lời phỏng vấn khẳng định thông qua việc tham gia những cuộc họp/trao đổi của các Tiểu nhóm của Mạng lưới và tìm hiểu thông tin trên trang web của Mạng lưới, bản thân họ đã hiểu hơn rất nhiều về REDD+. Mặc dù những người trả lời cũng khẳng định Mạng lưới REDD+ không phải là kênh duy nhất giúp họ tiếp cận thông tin/kiến thức về REDD+, thông tin từ Mạng lưới rất hữu ích và dễ thu nhận, do có nhiều tài liệu được viết/ dịch sang tiếng Việt.

Các ý kiến cho rằng trang web của Mạng lưới REDD+ cung cấp khá đa dạng thông tin về các thảo luận, kiến thức liên quan đến REDD+ và chính sách của nhà nước. Đây là một nguồn dữ liệu tốt cho những ai muốn tìm hiểu về REDD+. Tuy nhiên mặc dù trang web đã được xây dựng từ 2011, nhiều thông tin liên quan không được tổng hợp và cập nhật một cách có hệ thống. Tìm hiểu thông tin về các cuộc họp toàn thể Mạng lưới và họp Tiểu nhóm kỹ thuật cho thấy, đến tháng 2 năm 2014 đã có 6 cuộc họp Mạng lưới diễn ra, nhưng chỉ có 3 cuộc họp có thông tin được đưa trên mạng. Nội dung và biên bản cuộc họp của 37 cuộc họp Tiểu nhóm kỹ thuật cũng thiếu khá nhiều. Nhiều nội dung có đăng trên mạng chỉ có một ngôn ngữ (hoặc tiếng Anh, hoặc tiếng Việt). Những hạn chế này ảnh hưởng đến việc cập nhật/ học hỏi của các bên quan tâm. Những người được phỏng vấn cũng phản ánh nhiều thảo luận hiện sử dụng nhiều thuật ngữ chuyên môn mới, từ viết tắt khó hiểu (như MRV, FPIC, REL/RL), một số thuật ngữ thậm chí không được dịch sang tiếng Việt gây khó khăn cho những người tham gia. Đặc biệt, trang web hiện không cập nhật các thông tin thảo luận ở cấp vùng/ quốc tế. Những tồn tại này hạn chế sự tham gia trong các thảo luận cũng như nâng cao kiến thức cho những người quan tâm.

Tác động đến quá trình và quyết định chính sách

Các trao đổi, thảo luận của Mạng lưới REDD+ thông qua các Tiểu nhóm kỹ thuật khá đa dạng và đa phần là những nội dung ngành lâm nghiệp Việt Nam đang cần cải thiện, như sự tham gia của khối tư nhân trong hoạch định chính sách liên quan; cơ chế và hệ thống đo đạc, giám sát và thẩm định (hệ thống thông tin); sự tham gia của cộng đồng trong quản lý tài nguyên; các biện pháp đảm bảo an toàn khi thực thi REDD+; cơ chế chia sẻ lợi ích và xử lý tranh chấp; v.v.. Như đã đề cập ở trên, tính quyết định của đại diện chính phủ Việt Nam đối với những nội dung thảo luận hay kiến nghị chính sách trong các cuộc họp Mạng lưới hay tiểu nhóm kỹ thuật tương đối yếu, và việc chuyển tải thông tin đến lãnh đạo cấp cao chưa được chia sẻ/ công bố rõ ràng. Mặc dù vậy, một số thành viên tham gia trực tiếp soạn thảo các chính sách liên quan đến REDD+ gần đây, khi được phỏng vấn, đều khẳng định các thảo luận chính sách này đã giúp cho chính phủ định hình được nội dung cần bao gồm và từ đó xây dựng được một số chính sách liên quan. Cụ thể, Quyết định 799/2012/QĐ - TTg về Chương trình Hành động REDD+ Quốc gia (NRAP) ghi nhận phần lớn những trao đổi, kiến nghị của Mạng lưới về tầm quan trọng của cộng đồng trong quản lý bảo vệ rừng và tham gia các chương trình bảo vệ phát triển rừng, thực thi các biện pháp đảm bảo an toàn khi thực hiện REDD+, xây dựng hệ thống thông tin nhất quán về hiện trạng và những thay đổi phục vụ theo dõi, thẩm tra và báo cáo, huy động nguồn tài chính và kỹ thuật hỗ trợ thực thi REDD+ và cơ chế quản lý tài chính, v.v... Trong quá trình xây dựng Quyết định này, một số thành viên như SNV, UN-REDD Giai đoạn I (bao gồm FAO, UNDP, UNEP), GIZ đã được tham gia góp ý trực tiếp vào các bản dự thảo. Đây là một sự thay đổi tích cực trong hoạt động xây dựng chính sách ở Việt Nam nói chung. Các nội dung thảo luận trên cũng đã được cân nhắc và đưa vào Quyết định 57/2012/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch Bảo vệ Phát triển Rừng 2011 - 2020. Quyết định xây dựng và phê duyệt Dự án UN-REDD Giai đoạn 2, Dự án gửi Quỹ Đối tác

Các-bon ngành Lâm nghiệp (FCPF) của Ngân hàng Thế giới cũng có nội dung được đưa vào từ những thảo luận và kiến nghị của Mạng lưới.

Mặc dù vậy, qua phỏng vấn và phân tích các Biên bản cuộc họp, nghiên cứu nhận thấy các thảo luận và kiến nghị chính sách phần lớn được đưa ra bởi các nhà tài trợ hoặc các tổ chức quốc tế hiện đang có những dự án REDD+. Các tổ chức NGO trong nước phần lớn đặt câu hỏi đề nghị làm rõ những nội dung đã và đang thảo luận hơn là đưa ra những kiến nghị hay góp ý. Thực tế này cho thấy có vẻ như việc vận động chính sách của Mạng lưới hiện vẫn chỉ diễn ra với các nhà tài trợ và tổ chức quốc tế, những tổ chức hiện đang có dự án/ hoạt động liên quan, chứ không thể hiện tính đại diện cho toàn bộ Mạng lưới. Điều này cũng đặt ra câu hỏi về năng lực cũng như sự phù hợp của các bên, đặc biệt là các NGO trong nước khi tham gia Mạng lưới.

4.2.2 Hiệu quả Mạng lưới VNGO-FLEGT

Hiệu quả của cấu trúc quản lý, vận hành và huy động nguồn lực (tài chính)

Cơ cấu BDH hiện tại được đánh giá là có ý nghĩa quan trọng về tính đại diện khu vực cho cả 3 vùng Bắc (SRD và PanNature), Trung (CRD, Huế) và Nam (Forwet, HCMC), tạo điều kiện cho Mạng lưới có thể tiếp cận các nguồn lực, thông tin và thực hiện hoạt động tham vấn cộng đồng và các bên liên quan khác ở nhiều địa bàn khác nhau trên toàn quốc.

Kinh nghiệm chuyên môn của các tổ chức thuộc BDH trong lĩnh vực lâm nghiệp xã hội, tham vấn chính sách lâm nghiệp hoặc phát triển cộng đồng đảm bảo sự phù hợp và thuận lợi cho việc điều hành Mạng lưới hoạt động theo các mục tiêu đã xác định. Theo đó, SRD được giao trách nhiệm Trưởng BDH được xem là sự lựa chọn phù hợp nhất do tổ chức này đã có kinh nghiệm về thành lập, chủ trì và điều phối hoạt động của Mạng lưới các tổ chức phi chính phủ Việt Nam và BDKH (VNGO-CC) từ năm 2008, đồng thời được tổ chức tài trợ (FERN) ủng hộ từ đầu do tin tưởng vào khả năng quản lý dự án tài trợ. Vai trò song hành của SRD đối với cả hai Mạng lưới đã giúp BDH trong giai đoạn đầu về thông tin và lôi kéo được sự tham gia của các NGO có chung mối quan tâm đến mục tiêu về nâng cao nhận thức, tăng cường năng lực xã hội dân sự và tác động lên các chính sách lâm nghiệp có liên quan đến đàm phán VPA/FLEGT của Chính phủ Việt Nam.

Thế mạnh của BDH cũng được thể hiện qua kinh nghiệm của Forwet, CRD và PanNature trong lĩnh vực lâm nghiệp, nhất là các hoạt động về tham vấn cộng đồng, xây dựng mô hình lâm nghiệp có sự tham gia, đánh giá chính sách lâm nghiệp, cũng như các mối quan hệ và kinh nghiệm hợp tác với các cơ quan chính sách lâm nghiệp nhà nước ở cấp Trung ương (như TCLN) và các chủ thể quản lý lâm nghiệp khác nhau cấp địa phương (như các Sở NN&PTNT, các chủ rừng nhà nước). Đại diện của Forwet nguyên là Phân viện trưởng Viện Điều tra và quy hoạch rừng tại miền Nam, là chuyên gia tư vấn nòng cốt về xây dựng chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và quy hoạch rừng phòng hộ ven biển, trong khi đó PanNature là thành viên đại diện khối NGO địa phương của Ban điều hành Chương trình đối tác hỗ trợ ngành lâm nghiệp Việt Nam (FSSP), có kinh nghiệm về nghiên cứu và đánh giá chính sách và quản trị lâm nghiệp, môi trường cũng như triển khai cơ chế đồng quản lý rừng tại Việt Nam. Tổ chức CRD đã có gần 20 năm kinh nghiệm về đào tạo và phát triển cộng đồng, giao đất giao rừng và quản lý rừng cộng đồng ở khu vực các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên. Sự đa dạng về năng lực của BDH cho phép xác định và lựa chọn các nội dung và hoạt động ưu tiên phù hợp với mục tiêu của Mạng lưới và gia tăng cơ hội đóng góp cho tiến trình đàm phán VPA của Chính phủ và EU.

Với cơ cấu và lợi thế kinh nghiệm như trên, qua hai năm hoạt động, vai trò của BDH Mạng lưới đã thể hiện qua những kết quả được ghi nhận như sau:

- Các tổ chức thành viên BDH tham gia tích cực, có trách nhiệm và cam kết cao. Đóng góp lớn nhất của các thành viên BDH chính là (i) cùng phối hợp xây dựng và thông qua kế hoạch hoạt động các dự án hàng năm của Mạng lưới; (ii) cùng phối hợp phát triển và thống nhất các nội

dung nghiên cứu, báo cáo nghiên cứu và nội dung góp ý cho các dự thảo văn kiện đàm phán; và (iii) tiếp cận và xây dựng mối quan hệ với TCLN và Văn phòng thường trực FLEGT và Lacey và các đối tác (kỹ thuật, tài chính) để hợp tác và chia sẻ thông tin;

- SRD đã thực hiện tốt vai trò cơ quan điều phối và phát triển dự án tài trợ cho hoạt động Mạng lưới, gắn kết và thúc đẩy hoạt động của BDH, tạo lập được cơ hội cho hợp tác với Văn phòng thường trực FLEGT và Lacey và TCLN để chia sẻ kết quả hoạt động của Mạng lưới;
- Xác định và thực hành cách thức phù hợp tác động lên quá trình dự thảo chính sách FLEGT VPA qua mối quan hệ làm việc với TCLN từ “vận động” (advocacy) như đề xuất ban đầu sang “chia sẻ thông tin” (information sharing). Sự thay đổi này được xem là cách tiếp cận thích ứng nhằm tương tác với đơn vị đầu mối của hoạt động đàm phán (TCLN và Văn phòng thường trực FLEGT và Lacey) trong bối cảnh có những quan ngại về “nhảy cảm chính trị” từ chính BDH khi tham gia tác động vào tiến trình đàm phán FLEGT VPA của Chính phủ (như tính chất bí mật của đàm phán hiệp định, tác động của xã hội dân sự lên chính sách nhà nước, mức độ chính xác của thông tin tham vấn và công khai thông tin,...).

Bên cạnh các kết quả tích cực nói trên, quá trình tổ chức và điều hành Mạng lưới còn có những hạn chế trong lựa chọn định hướng và nội dung hoạt động do chưa được tiếp cận hệ thống để có được hiểu biết và nhận thức đầy đủ về VPA cũng như quản trị lâm nghiệp Việt Nam. Thực tế này là hiển nhiên đối với Mạng lưới và các tổ chức thành viên lần đầu tiên tiếp cận các vấn đề mới như FLEGT VPA trong khi tiến trình và nội dung đàm phán vẫn đang tiếp tục diễn ra. Ngoài ra, quy định bảo mật đối với Hiệp định đang đàm phán cấp Chính phủ đã không cho phép Mạng lưới được thông báo, cập nhật thông tin chi tiết, chính thức về nội dung đàm phán từ phía nhà nước. Do đó, Mạng lưới chưa nắm rõ được yêu cầu, đòi hỏi cụ thể của từng bên về chính sách bảo vệ về môi trường và xã hội, bao gồm cả quyền của cộng đồng đối với rừng và đất rừng, và các nguyên tắc quản trị khác (như tính minh bạch, giải trình trách nhiệm, pháp trị,...) trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng hay khai thác, thương mại gỗ của Việt Nam, để từ đó có các thúc đẩy và can thiệp hiệu quả.

Tuy nhiên, với kinh nghiệm của các tổ chức thành viên và cơ hội góp ý cho các dự thảo LD và TLAS bước đầu đã giúp Mạng lưới xác định được các nội dung ưu tiên quan trọng và cần thiết để tác động vào tiến trình và nội dung đàm phán. Các nội dung đó gồm như quyền hợp pháp của hộ gia đình và cộng đồng đối với rừng và đất rừng, xác định các nhóm đối tượng cộng đồng dễ bị rủi ro bởi VPA, đánh giá tác động của VPA đối với sinh kế và nghèo đói, nhận thức và tuân thủ của cộng đồng về gỗ hợp pháp theo quy định hiện hành, hoặc giám sát độc lập thực hiện VPA. Hầu hết các ưu tiên đó đã được Mạng lưới chuyển hóa thành các hoạt động tham vấn cộng đồng và đánh giá thực chứng hoặc đưa vào đề xuất dự án mới. Các lựa chọn này được các thành viên Mạng lưới và chuyên gia ủng hộ, tham gia thực hiện vì có ý nghĩa cho các bên đàm phán xem xét, đảm bảo quyền và lợi ích của các cộng đồng dân tộc thiểu số hoặc sống dựa vào rừng khi VPA được thực hiện. Tuy nhiên, một số vấn đề trọng tâm khác đã được bàn luận nhưng chưa được Mạng lưới đưa vào kế hoạch hoặc quan tâm thực hiện như tác động của VPA đến rừng tự nhiên, khai thác và buôn bán gỗ lậu, kết nối FLEGT với REDD+ và sáng kiến lâm nghiệp khác, năng lực thực thi luật pháp của các bên liên quan, và kết nối tác động chính sách với các Mạng lưới dân sự khác.

Đối với quy chế và thủ tục, Mạng lưới có quy chế hoạt động được chia sẻ nhưng hầu như không có ảnh hưởng đến các quyết định tham gia của các cá nhân và tổ chức thành viên. Các tổ chức thành viên khi được hỏi khẳng định họ không quan tâm lắm đến Quy chế hoạt động của Mạng lưới vì việc tham gia là tự nguyện và không có ràng buộc về nghĩa vụ tài chính hoặc đạo đức.

Theo yêu cầu của quản lý dự án và tài trợ, SRD thay mặt Mạng lưới tiếp nhận và chủ trì triển khai tất cả các dự án liên quan. Các tổ chức khác của BDH thỏa thuận trách nhiệm tham gia hoạt động điều hành thông qua hợp đồng hợp tác hàng năm với SRD và được chi trả phụ cấp và hành chính từ nguồn tài trợ của dự án Mạng lưới. Trong khi đó, các cá nhân hoặc nhóm từ tổ chức thành viên khác tùy theo năng lực và quan tâm lại ký hợp đồng tư vấn thực hiện các nhiệm vụ tham vấn hoặc nghiên cứu

cụ thể. Thủ tục này không ảnh hưởng đến cam kết tham gia của các thành viên khi họ đã chấp thuận. Tuy nhiên, vấn đề quyền sở hữu dự án (Mạng lưới), thẩm quyền ra quyết định, và ghi nhận quyền sở hữu (Mạng lưới) đối với các ấn phẩm, tài liệu dự án chưa được nhận thức, quy định rõ ràng hoặc minh bạch tuân thủ. Câu hỏi đặt ra là dự án của SRD hay của Mạng lưới; đâu là thẩm quyền quyết định của BDH, Trưởng BDH, tổ chức điều phối SRD hoặc toàn bộ Mạng lưới đối với các hoạt động liên quan. Tồn tại này có thể ảnh hưởng đến hoạt động Mạng lưới dài hạn, sự đồng thuận và cam kết tham gia của các thành viên do không muốn đóng vai trò như là tư vấn thực hiện hoạt động dự án của cơ quan điều phối.

Về quan hệ làm việc, hiệu quả quản lý, điều hành và hoạt động của Mạng lưới thể hiện qua các hình thức và hoạt động giao tiếp của nội bộ Mạng lưới, bao gồm BDH, toàn thể Mạng lưới và các nhóm chuyên đề. Nhìn chung, các cuộc họp/ trao đổi của BDH và nhóm chuyên đề được tổ chức tốt, đều đặn theo định kỳ thông qua gặp mặt trực tiếp hoặc trao đổi qua email hoặc skype. Các thành viên của BDH và các nhóm chuyên đề cũng tham gia họp, trao đổi khá đầy đủ. Tuy nhiên, các phiên họp toàn thể các thành viên lại chưa thực hiện được tốt. Họp toàn thể thường được kết hợp với hội thảo, tập huấn theo đề tài hoặc dự án. Cho đến nay chưa có một cuộc họp toàn thể nào, thậm chí hoạt động nào, có đầy đủ các thành viên của Mạng lưới tham dự.

Mạng lưới chưa có tầm nhìn và chiến lược, kế hoạch dài hạn. Hoạt động của Mạng lưới chủ yếu vẫn dựa theo kế hoạch quý hoặc năm bám theo yêu cầu thực hiện hoạt động của các dự án cụ thể do FERN/DFID tài trợ theo kế hoạch giải ngân hàng năm. Các ý kiến tham vấn nhấn mạnh một kế hoạch chiến lược của Mạng lưới được cho là cần thiết, nhưng cần phải được đặt trong sự hiểu biết đầy đủ về tiến trình đàm phán và thực hiện FLEGT VPA của Việt Nam, về lộ trình cải cách và phát triển ngành lâm nghiệp (tăng cường hiệu quả quản trị), và nhất là quá trình phát triển chính sách và luật pháp quản lý, bảo vệ và phát triển rừng của Việt Nam cũng như nhận thức đúng đắn về vai trò, xu hướng và cơ hội của xã hội dân sự trong quá trình chính sách lâm nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội nói chung của Việt Nam.

Sự tham gia của các bên liên quan

Theo tổng hợp từ các hoạt động của Mạng lưới, số lượng thành viên của Mạng lưới không có nhiều thay đổi qua hai năm hoạt động với 31 tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia. Tuy nhiên, xu hướng tham gia trong các hoạt động cụ thể của các thành viên ngày càng giảm xuống, trong khi đang có sự tham gia ngày càng tăng lên của các tổ chức và cá nhân ngoài Mạng lưới.

Các thành viên của Mạng lưới VNGO-FLEGT có các mức độ tham gia khác nhau tùy thuộc vai trò, mối quan tâm và khả năng bố trí nhân sự của từng tổ chức thành viên đối với 04 nhóm hoạt động chính là (i) xây dựng và phát triển dự án, kế hoạch hoạt động của Mạng lưới; (ii) nâng cao nhận thức và khuyến khích tham gia; (iii) tham gia thực hiện các nghiên cứu; và (iv) chia sẻ thông tin và tác động đến nội dung các chính sách/văn kiện đàm phán FLEGT VPA của Chính phủ Việt Nam và EU.

Cụ thể, đối với hoạt động xây dựng và phát triển dự án, kế hoạch hoạt động của Mạng lưới, đây là hoạt động dường như chỉ có tính chất “nội bộ” của 04 tổ chức thành viên BDH, trong đó SRD giữ vai trò đầu mối và chịu trách nhiệm chính. Đối với việc phát triển dự án, trong năm 2012 và 2013 các tổ chức BDH đã xây dựng một số đề xuất dự án nhằm tham gia vào tiến trình VPA/FLEGT của Việt Nam và đã được nhà tài trợ chấp thuận. Tuy nhiên, do bản thân Mạng lưới chưa xây dựng được một khung chiến lược với các mục tiêu và hoạt động dài hạn nên việc phát triển các đề xuất dự án chủ yếu phụ thuộc vào khả năng và lợi ích của từng tổ chức và ưu tiên của nhà tài trợ. Cụ thể như sau:

- SRD và PanNature phối hợp cùng FERN đề xuất EU tài trợ cho dự án “Thúc đẩy chương trình Thực thi lâm luật, Quản trị rừng và Thương mại lâm sản (FLEGT) thông qua sự tham gia chủ động của các tổ chức xã hội dân sự” (2014-2016);

- SRD trực tiếp phát triển dự án “Nâng cao năng lực cho các tổ chức xã hội dân sự và cộng đồng sống phụ thuộc rừng để tham gia hiệu quả vào tiến trình đàm phán và thực thi VPA” do FAO tài trợ (2014);
- SRD và FERN tiếp tục phát triển dự án “Thực thi FLEGT: thúc đẩy quản trị rừng hiệu quả trong ngành lâm nghiệp” (2012-2014) do PanNature and SRD đã xây dựng khi khởi động Mạng lưới
- PanNature phối hợp cùng WWF và VFI (Lào) đề xuất dự án “Cùng tiếp cận vào tiến trình xây dựng VPA/FLEGT của Việt Nam và Lào” do EU tài trợ (2014-2017);
- CRD phối hợp cùng ICCO và CORENAM đề xuất dự án “Tăng cường năng lực và sự tham gia của xã hội dân sự khu vực miền Trung vào tiến trình VPA/ FLEGT” do EU tài trợ (2014-2015).

Đối với hoạt động nâng cao nhận thức cho thành viên Mạng lưới, năm 2012 và 2013 Mạng lưới đã tổ chức tổng cộng 12 hoạt động tập huấn, hội thảo và hội thảo kết hợp tập huấn¹⁶ tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Huế, Vinh Yên với sự tham dự của cả trong và ngoài Mạng lưới. Nội dung của các hoạt động này chủ yếu liên quan đến giới thiệu FLEGT và cập nhật thông tin về tiến trình VPA/FLEGT của Việt Nam, hiểu biết chung về ngành gỗ và lâm nghiệp Việt Nam, phương pháp thực hiện một số chuyên đề nghiên cứu như LIA, cộng đồng và tính hợp pháp của gỗ, báo cáo và tham vấn kết quả nghiên cứu,... Thông tin về các sự kiện này được thông báo trong toàn Mạng lưới và tới các đối tác liên quan.

Mặc dù số lượng cá nhân tham gia các hội thảo tăng, nhưng số tổ chức thuộc Mạng lưới tham dự có xu hướng giảm rõ rệt, trong khi sự hiện diện của các cá nhân và tổ chức ngoài Mạng lưới (khách mời) lại có xu hướng tăng. Kết quả thống kê cho thấy có không quá 15/31 tổ chức của Mạng lưới tham gia đều đặn/ đầy đủ các sự kiện hội thảo, tập huấn của Mạng lưới.

Đáng chú ý, với sự thúc đẩy và hỗ trợ của FERN, trong năm 2012 và 2013 đại diện Mạng lưới VNGO-FLEGT cũng đã có nhiều cơ hội tham gia và trình bày tại các sự kiện, diễn đàn quốc tế và khu vực có liên quan đến vai trò, kinh nghiệm và thách thức của khối dân sự trong quá trình đàm phán VPA giữa Việt Nam và EU. Tuy nhiên, phần lớn những cơ hội này được trao cho 03 tổ chức thành viên BĐH là SRD, PanNature và CRD, trong khi đại diện Forwet chưa có lần nào tham gia. Quyết định đề cử tham gia này chủ yếu do BĐH hoặc SRD thông qua trong khi gặp khó khăn về trao cơ hội cho thành viên (khác) của Mạng lưới do yêu cầu về tiếng Anh và nhất là hiểu biết về VPA và sự liên quan của XHDS ở Việt Nam. Các sự kiện cụ thể Mạng lưới đã tham dự như sau:

- Tuần lễ FLEGT do EU tổ chức tại Brussels năm 2012, 2013: đại diện SRD và PanNature;
- Đối thoại FLEGT VPA năm 2013 tại EU, Brussels: đại diện SRD và CRD;
- Diễn đàn quản trị và thương mại lâm sản do Chathamhouse tổ chức tại London, Anh năm 2013: đại diện SRD và Trung tâm Phát triển Cộng đồng và Ứng phó BDDKH Tây Nguyên (CHCC);
- Tập huấn về đánh giá VPA đến giảm nghèo tại Indonesia: đại diện SRD và CRD;
- Chia sẻ kinh nghiệm Mạng lưới VNGO-FLEGT tại Thái Lan: đại diện SRD và SFMI.

Đối với hoạt động nghiên cứu và tham vấn cộng đồng, năm 2012 và 2013 Mạng lưới đã tổ chức thực hiện 03 nghiên cứu chính (i) tham vấn cộng đồng về tính hợp pháp của đất rừng và gỗ/ lâm sản trong hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; (ii) đánh giá tác động của FLEGT VPA đối với sinh kế của cộng đồng địa phương, bao gồm đồng bào dân tộc thiểu số sống dựa vào rừng, hộ gia đình trồng rừng trên đất không có sổ đỏ, và hộ sản xuất chế biến gỗ quy mô nhỏ (LIA); và (iii) đánh giá tình hình

¹⁶ Số liệu tổng hợp cả các hội thảo, tập huấn, hội thảo kết hợp tập huấn nâng cao năng lực nói chung cũng như cho hoạt động nghiên cứu (theo nhóm chuyên đề) như tham vấn cộng đồng, Đánh giá Tác động Sinh kế (LIA),...

thực hiện Luật BVPTTR có liên quan đến hộ gia đình và cộng đồng dân cư. Một số tập huấn, như nêu ở trên, cũng đã được tổ chức phục vụ cho những nghiên cứu này, tập trung vào những thành viên tham gia thực hiện nghiên cứu.

Theo cách tiếp cận khu vực Bắc - Trung - Nam và tự nguyện đăng ký tham gia nghiên cứu, Mạng lưới đã hình thành 03 nhóm thực hiện (i) Nhóm miền Bắc bao gồm: SFMI, SRD, PanNature, CECOD, CARTEN (Yên Bái), HTX phát triển nông thôn Quan Hóa (Thanh Hóa); (ii) Nhóm miền Trung: CRD, CORENAM, Trung tâm nghiên cứu và tư vấn quản lý tài nguyên thiên nhiên, Trung tâm nghiên cứu phát triển xã hội; và (iii) Nhóm miền Nam (và Tây Nguyên): Forwet, (chuyên gia) ĐH Nông lâm HCMC và CHCC (Đắk Lắk).

Trên thực tế chỉ có khoảng 30% số lượng các tổ chức thành viên của Mạng lưới thực sự tham gia và đóng góp cho hoạt động nghiên cứu và tham vấn để tạo ra các sản phẩm (thông tin, cứ liệu) phục vụ cho quá trình tác động đến chính sách liên quan đến VPA/FLEGT mà Chính phủ Việt Nam đang đàm phán với EU. Mức độ tham gia của các tổ chức thành viên Mạng lưới chủ yếu phụ thuộc vào năng lực chuyên môn và nhu cầu của từng tổ chức hơn là sự phân công nhiệm vụ cho từng thành viên.

Đối với hoạt động chia sẻ thông tin và tác động đến chính sách, quá trình tiếp cận và chia sẻ thông tin với Tổng cục Lâm nghiệp và Văn phòng thường trực FLEGT và Lacey hoàn toàn phụ thuộc và do chính BDH thực hiện với vai trò chính của (lãnh đạo) Forwet và SRD trong việc xác lập các mối quan hệ phối hợp. Các sự kiện chia sẻ và tham vấn thông tin về kết quả các nghiên cứu của Mạng lưới chủ yếu do SRD tổ chức. PanNature cũng tham gia hỗ trợ hoạt động này. Tuy nhiên, không có sự hiện diện của toàn bộ thành viên Mạng lưới tại các hoạt động chia sẻ thông tin, mà chủ yếu là các tổ chức thành viên ban điều hành và các cá nhân tham gia các nghiên cứu chuyên đề.

Chỉ có khoảng 30% số tổ chức thành viên Mạng lưới tham gia hoạt động góp ý cho các bản dự thảo Định nghĩa gỗ hợp pháp và Hệ thống đảm bảo tính hợp pháp của gỗ (dự thảo 5, 6 và 6.3) theo đề nghị của TCLN trong các năm 2012 và 2013. Những góp ý này cũng chính là của các tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia các nghiên cứu chuyên đề của Mạng lưới. Tuy nhiên, Mạng lưới chỉ tham gia ở mức chia sẻ thông tin, chưa có các hoạt động chủ động “vận động” các bên liên quan cũng như kết hợp với truyền thông để định hướng mục tiêu thay đổi nội dung chính sách (các bản dự thảo LD và TLAS) với ưu tiên nhằm đưa tiếng nói và bảo vệ lợi ích của cộng đồng địa phương sống dựa vào rừng do chưa có kế hoạch và cách thức tiến hành sẵn sàng cho vận động chính sách.

Kết nối và mở rộng sự tham gia trực tiếp và gián tiếp của các bên liên quan khác ngoài Mạng lưới được đánh giá là một trong những thành công của Mạng lưới VNGO-FLEGT, bao gồm kết nối với cộng đồng địa phương, kết nối với TCLN - cơ quan chủ trì đàm phán của Chính phủ, và kết nối với các đối tác tài chính và kỹ thuật. Sự tham gia của các bên liên quan phản ánh sự thừa nhận về hiện diện của Mạng lưới cũng như sẵn sàng tham gia, phối hợp về các nội dung có liên quan đến FLEGT VPA.

- Kết nối và tham gia của cộng đồng địa phương: VNGO-FLEGT không có thành viên nào đại diện cho cộng đồng địa phương có quyền lợi và trách nhiệm trực tiếp bị điều chỉnh bởi quy định dự thảo của VPA/FLEGT. Là một trong những đối tượng mục tiêu của VNGO-FLEGT nhưng cộng đồng tham gia bị động và gián tiếp qua các hoạt động tham vấn cộng đồng về tính hợp pháp của gỗ, đánh giá tác động của VPA đến sinh kế (LIA) và đánh giá thực hiện Luật BVPTTR 2004 đối với hộ gia đình và cộng đồng. Các nhóm cộng đồng địa phương mà VNGO-FLEGT đã tham vấn là nhóm dân tộc thiểu số, nhóm hộ trồng rừng trên đất không có sổ đỏ, nhóm hộ chế biến gỗ ở 10 tỉnh (Yên Bái, Bắc Kạn, Phú Thọ, Hòa Bình, Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai và Bà Rịa Vũng Tàu).
- Kết nối tham gia của cơ quan đàm phán của nhà nước: Mạng lưới đã tiếp xúc và thuyết phục được sự tham gia của đại diện Văn phòng thường trực FLEGT và Lacey, Vụ KHCN và HTQT, Cục Kiểm lâm vào các hội thảo chia sẻ thông tin về tham vấn cộng đồng và đánh giá tác động của VPA đến sinh kế. Như là kết quả của sự gắn kết, TCLN đã đề nghị Mạng lưới đóng góp ý

kiến vào các dự thảo LD và TLAS và tiếp nhận văn bản góp ý của VNGO-FLEGT. Không chỉ là sự thừa nhận hoạt động của Mạng lưới, mà sự tham gia của các cơ quan Tổng cục Lâm nghiệp cũng đã giúp hình thành các hợp tác và thỏa thuận cụ thể giữa hai bên như phối hợp tổ chức Hội nghị thường niên FSSP năm 2014.

- Kết nối sự tham gia của các đối tác tài chính và kỹ thuật: bên cạnh FERN, sự hiện diện của Mạng lưới cũng đã tạo diễn đàn cho sự tham gia của các bên quan tâm khác đến tiến trình đàm phán VPA/FLEGT của Việt Nam như Forest Trends (về đánh giá tác động của VPA đến sinh kế cộng đồng), UNDP (về đánh giá quản trị rừng có sự tham gia, PGA), SNV (xây dựng lộ trình đảm bảo an toàn môi trường-xã hội trong REDD+), WWF và ICCO. Viện Lâm nghiệp Châu Âu (EFI) đã có những hỗ trợ quan trọng về thông tin cho Mạng lưới. Các quan hệ đối tác kỹ thuật cũng đã tạo điều kiện cho các tổ chức BĐH tham gia các khóa tập huấn, hội thảo chia sẻ kinh nghiệm và đối thoại ngoài biên giới Việt Nam như ở Bỉ, Anh, Indonesia, Thái Lan và Lào.
- Tuy nhiên, VNGO-FLEGT vẫn chưa kết nối và huy động được sự tham gia của các bên liên quan khác như khối tư nhân/ doanh nghiệp, Bộ TN&MT, cơ quan truyền thông/báo chí và nhất là các Mạng lưới xã hội dân sự phù hợp khác như Liên minh đất rừng (FORLAND), Liên minh quyền sử dụng đất (LANDA), Mạng lưới quyền đất rừng (LANDNet), Mạng lưới lâm nghiệp cộng đồng hoặc Mạng lưới REDD+ Việt Nam. Hiệu quả hoạt động của VNGO-FLEGT được cho là sẽ cải thiện và có sự tham gia của nhiều tổ chức hơn khi phối hợp được với các Mạng lưới nói trên.

Nâng cao nhận thức và năng lực của thành viên Mạng lưới

Hiệu quả nâng cao nhận thức và năng lực của các thành viên phụ thuộc vào mức độ quan tâm và sự tham gia của họ trong các hoạt động của Mạng lưới, và sự tham gia của các bên khác ngoài Mạng lưới. Các ý kiến phỏng vấn đều nhấn mạnh rằng đây chính là mục tiêu quan trọng nhất của các tổ chức và cá nhân mong chờ khi đăng ký tham gia VNGO-FLEGT. Cho rằng FLEGT VPA là lĩnh vực mới mẻ và trực tiếp liên quan đến quyền tiếp cận tài nguyên và sinh kế cộng đồng – những yếu tố mà các NGO thành viên quan tâm, nên tham gia VNGO-FLEGT được nhìn nhận như là một cơ hội học hỏi tốt của các thành viên về các cơ chế quốc tế mới nhằm ngăn chặn khai thác và thương mại gỗ bất hợp pháp. Tuy nhiên, có rất ít các thành viên bày tỏ sự quan tâm đến tính liên kết giữa nâng cao nhận thức và tham gia hiệu quả vào quá trình chia sẻ thông tin và tác động lên các chính sách liên quan FLEGT VPA của nhà nước.

Hiểu biết và nhận thức các thành viên Mạng lưới về FLEGT VPA đã được nâng cao nhờ quá trình chia sẻ thông tin của các bên liên quan dưới nhiều hình thức khác nhau (hội thảo, tập huấn, website, tham gia nghiên cứu). Kết quả này đã tạo động lực cho Mạng lưới tích cực triển khai các hoạt động, nhất là tham vấn, nghiên cứu, để tác động lên quá trình đàm phán và chính sách nhà nước nhằm đảm bảo quyền và lợi ích cho các cộng đồng địa phương sống dựa vào rừng và đất rừng. Cơ cấu thông tin do các bên chia sẻ đối với Mạng lưới như sau:

- Văn phòng thường trực FLEGT và Lacey của TCLN và các chuyên gia hỗ trợ đàm phán: thông tin tóm tắt về FLEGT và kết quả sơ bộ các bước đàm phán, nội dung các dự thảo LD và TLAS được công bố, hiện trạng về rừng và quản lý lâm nghiệp Việt Nam và ngành thương mại/chế biến gỗ. Kênh chia sẻ bao gồm: trình bày tại hội thảo, gửi tài liệu qua email, và cập nhật thông tin trên website của FSSP/TCLN;
- Viện Lâm nghiệp Châu Âu (EFI): thông tin cơ bản về FLEGT, tóm tắt kết quả các vòng đàm phán, kinh nghiệm tham gia của các tổ chức xã hội dân sự (XHDS) ở các quốc gia khác có đàm phán FLEGT VPA với EU như Liberia, Ghana và Cameroon. Kênh chia sẻ bao gồm trình bày tại hội thảo, thảo luận với BĐH và cung cấp tài liệu in sẵn;

- FERN: thông tin cơ bản về FLEGT, nội dung vận động của cộng đồng NGO ở Châu Âu đối với các VPA nói chung, kinh nghiệm tham gia của các tổ chức XHDS ở các quốc gia khác có đàm phán FLEGT VPA với EU như Liberia, Ghana, Cameroon, nội dung các văn kiện dự án do FERN và VNGO-FLEGT cùng phát triển,... Kênh chia sẻ bao gồm trình bày tại hội thảo, trao đổi với BDH qua email, chia sẻ thông tin và tài liệu qua website www.logging-off.info và đưa các thành viên BDH tham gia các hội thảo liên quan tại Châu Âu (Bỉ, Anh), Thái Lan, ...;
- Forest Trends: thông tin về kết quả các chuyên đề nghiên cứu/đánh giá liên quan đến chuỗi hành trình gỗ ở Việt Nam (xuất nhập khẩu gỗ, doanh nghiệp, làng nghề,...), cơ cấu và tranh chấp sử dụng đất lâm nghiệp (nghiên cứu cao su), lâm nghiệp cộng đồng, phương pháp đánh giá tác động của VPA đến sinh kế cộng đồng (LIA),... Kênh chia sẻ thông tin bao gồm trình bày tại hội thảo, tập huấn nghiên cứu, chia sẻ tài liệu, thông tin qua email và Mạng lưới REDD+ Việt Nam (một số thành viên của VNGO-FLEGT tham gia Mạng lưới này);
- Đóng góp của chuyên gia và chia sẻ trong nội bộ Mạng lưới: các chuyên gia kỳ cựu của ngành lâm nghiệp Việt Nam (như TS Nguyễn Ngọc Lung, Tô Đình Mai, Vũ Long, ...) và của các tổ chức ngoài nhà nước như WWF, SNV, CH8 hay Hội nghề gỗ Đồng Kỵ cũng đã tích cực chia sẻ và tư vấn cho Mạng lưới trong quá trình tham vấn các kết quả nghiên cứu do các tổ chức thành viên thực hiện. Kênh chia sẻ bao gồm đóng góp tại các hội thảo và cùng tham gia thực hiện. Bản thân các tổ chức thành viên trong Mạng lưới như PanNature cũng tích cực chia sẻ các thông tin cập nhật về chính sách và pháp luật lâm nghiệp của nhà nước cho Mạng lưới thông qua cung cấp Bản tin chính sách hàng quý gửi qua email và tài liệu trực tiếp.

Nguồn thông tin và tài liệu được chia sẻ đa dạng như trên có ý nghĩa ghi nhận vai trò tích cực của cơ quan điều phối SRD trong việc kết nối tham gia và chia sẻ các bên liên quan; nhận thức của BDH và Mạng lưới về nhu cầu thông tin phù hợp cho các thành viên. Trên thực tế 2 năm hoạt động, Mạng lưới đã trở thành một diễn đàn (XHDS) phù hợp cho các bên liên quan quan tâm chia sẻ thông tin như là một yêu cầu đa bên tham gia của tiến trình đàm phán FLEGT VPA. Tuy nhiên, mức độ phản hồi, bàn luận, tham khảo của các thành viên Mạng lưới đối với các thông tin thu nhận được rất yếu. Các thông tin có sẵn, thập chí cập nhật, liên quan đến FLEGT VPA ít được tham khảo và trích dẫn trong các nghiên cứu của Mạng lưới.

Mặc dù thông tin chia sẻ khá đa dạng, nhưng mối quan tâm chủ yếu của Mạng lưới tập trung vào LD hơn là TLAS, quyền lợi và sự tham gia của cộng đồng hơn là tổng quan về hệ thống thể chế và quản trị lâm nghiệp của Việt Nam, mục tiêu cụ thể của từng hoạt động dự án hơn là chiến lược và tiếp cận chung của toàn Mạng lưới, thực hiện các hoạt động sẵn có do dự án đề xuất hơn là dựa trên nhu cầu thực tế theo nội dung đàm phán FLEGT VPA, kinh nghiệm và thông tin sẵn có hơn là nỗ lực tìm kiếm các phát hiện mới, có tính tranh luận hoặc so sánh cao so với các nghiên cứu tương tự đã có khác. Phạm vi và cách tiếp cận nói trên được chỉ ra là những rào cản để các thành viên VNGO-FLEGT có hiểu biết đầy đủ, đúng và tổng quan hơn về toàn bộ tiến trình FLEGT VPA.

Mặc dù chưa có đánh giá nào để đo lường kết quả hoạt động nâng cao nhận thức của các thành viên tham gia, nhưng một số chỉ số cho thấy nỗ lực này cần được cải thiện vì:

- Mạng lưới chưa xuất bản, công bố được tài liệu, ấn phẩm nào một cách chính thức (như báo cáo nghiên cứu, tờ rơi, bản tin); các tài liệu hiện có về VPA/FLEGT chủ yếu do các tổ chức khác như EFI, Forest Trends chia sẻ;
- Mạng lưới chưa thiết lập được trang tin điện tử riêng để chia sẻ thông tin, cập nhật hoạt động và tài liệu (nghiên cứu, hội thảo). Các tin, bài xuất bản trên websites của các tổ chức như SRD, PanNature, FERN (www.logging-off.info) ít được thông báo cho toàn Mạng lưới cũng như theo dõi bởi các thành viên Mạng lưới;

- Các thông tin và tài liệu về hoạt động, dự án của Mạng lưới do SRD quản lý, chưa sử dụng các công cụ để tập hợp và quản lý thông tin, tài liệu chung vào một địa chỉ để mọi thành viên có thể dễ dàng tiếp cận (như google doc).

Một thách thức khác cho nâng cao hiểu biết của thành viên Mạng lưới chính là sự phức tạp và chưa chắc chắn về khung nội dung của FLEGT VPA do quá trình đàm phán vẫn tiếp diễn. Đây là nguyên nhân khách quan, thách thức các thành viên Mạng lưới khi có ít tổ chức thành viên quan tâm, theo dõi và trải nghiệm trong việc tham gia góp ý, đánh giá các chính sách, pháp luật của nhà nước đang xây dựng. Bản thân các dự thảo LD và TLAS bao hàm nhiều quy định của các luật và văn bản dưới luật (nghị định, quyết định, thông tư) khác nhau, như Luật BVPTTR 2004, Luật Đa dạng Sinh học 2008, Luật Bảo vệ Môi trường (BVMT) 2005, Luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp, Luật Khiếu nại-Tố cáo,... Sự phức tạp và đa dạng của quy định luật pháp liên quan đến FLEGT VPA và hạn chế về hiểu biết (đánh giá) pháp luật đã ảnh hưởng đến kết quả và chất lượng các nghiên cứu về tham vấn cộng đồng về tính hợp pháp của rừng và gỗ, phân tích thể chế về LIA, hay đánh giá thực thi Luật BVPTTR liên quan đến hộ gia đình và cộng đồng dân cư do Mạng lưới thực hiện.

Các thành viên Mạng lưới tham gia các hoạt động nghiên cứu khẳng định lợi ích về nâng cao kỹ năng và năng lực nói chung, nhất là phương pháp tham vấn và đánh giá tác động (LIA), kỹ năng viết báo cáo, năng lực phối hợp trong nhóm. Các thành viên cũng ý thức rằng năng lực nghiên cứu và viết báo cáo là hai trong số những mặt yếu nhất của Mạng lưới. Tuy nhiên, hiệu quả tăng cường năng lực chưa cao do thời gian tập huấn ngắn, nội dung mới khó tiếp cận, nhất là các thành viên địa phương (đối với LIA, đánh giá luật BVPTTR).

Ngoài ra, chất lượng của các hoạt động nâng cao nhận thức và năng lực của Mạng lưới cũng được cho là phụ thuộc rất nhiều vào khả năng của cơ quan điều phối (SRD) và BĐH nói chung trong việc thiết kế các nội dung tập huấn, hội thảo, lựa chọn chuyên gia tư vấn và chuẩn bị tài liệu. Hoạt động nghiên cứu, tham vấn được xem là cơ hội tốt nhất cho tăng cường kỹ năng của các thành viên tham gia, tuy nhiên năng lực của cơ quan điều phối trong việc giám sát và yêu cầu các cá nhân đáp ứng, tuân thủ nội dung của Điều khoản tham chiếu nhiệm vụ (ToR) còn yếu.

Tác động đến quá trình xây dựng và phát triển chính sách

Sự thừa nhận của TCLN về sự hiện diện của VNGO-FLEGT và ủng hộ sự tham gia của Mạng lưới này trong việc góp ý và chia sẻ thông tin nghiên cứu, tham vấn là kết quả của quá trình tiếp cận và xây dựng quan hệ với cơ quan chủ trì đàm phán FLEGT VPA của BĐH Mạng lưới, nhất là vai trò của tổ chức ForWet và SRD. Theo thống kê, trong năm 2012 và 2013 đã có 4 hội thảo của Mạng lưới có sự tham gia của lãnh đạo và/hoặc cán bộ cao cấp của TCLN, Vụ KHCN&HTQT, hoặc Cục trưởng CKL, hoặc Chánh văn phòng thường trực FLEGT và Lacey. Ngoài ra, một số hội thảo còn có sự tham gia của các cá nhân thuộc Nhóm chuyên gia kỹ thuật và các Tổ công tác soạn thảo LD và TLAS do TCLN lập. Sự hiện diện của họ gắn liền với chia sẻ thông tin và tiếp thu các góp ý của Mạng lưới cũng như thỏa thuận các hoạt động phối hợp (như Đánh giá tình hình thực hiện Luật BVPTTR, tổ chức Hội nghị thường niên FSSP,...). Mặt khác, các tổ chức, cá nhân thuộc BĐH Mạng lưới và một số thành viên cũng được Văn phòng thường trực FLEGT và Lacey, TCLN mời tham dự các hội thảo tham vấn có liên quan đến FLEGT VPA nói riêng và chính sách lâm nghiệp nói chung. Việc xác lập các mối quan hệ này được xem là cơ sở cho VNGO-FLEGT tiếp tục tham gia và tác động vào tiến trình đàm phán FLEGT VPA.

Đóng góp của Mạng lưới VNGO-FLEGT cho quá trình xây dựng và tham vấn Định nghĩa gỗ hợp pháp (Phụ lục 2) của Hiệp định FLEGT VPA đã được Văn phòng thường trực, TCLN. Trong hai năm 2012 và 2013, Mạng lưới đã tổ chức thu thập và thảo luận thống nhất các góp ý cho dự thảo LD số 5, 6 và 6.3. Theo Văn phòng thường trực FLEGT và Lacey, Mạng lưới và một số cơ quan nghiên cứu khác đã đóng góp khoảng 70 ý kiến cho các bản dự thảo; đồng thời các ý kiến thu thập từ tham vấn cộng đồng về tính hợp pháp của gỗ và tài nguyên rừng nói chung cũng do chính Mạng lưới thực hiện và cung cấp cho cơ quan đàm phán VPA của Việt Nam.

Về chất lượng đóng góp, chưa có rà soát hoặc so sánh nào từ TCLN hoặc bản thân Mạng lưới để khẳng định các thông tin, góp ý của VNGO-FLEGT đã được sử dụng và điều chỉnh các nội dung dự thảo của LD. Tuy nhiên, trong suốt quá trình tham vấn các bên liên quan đối với dự thảo này, TCLN đã khẳng định 50% ý kiến đóng góp được tổ soạn thảo tiếp thu, 30% ý kiến cần giải thích thêm thông tin, và 20% ý kiến không được tiếp thu do không phù hợp hoặc trái với quy định của pháp luật và mâu thuẫn với ý kiến của các nhóm khác. Và ý kiến góp ý của các bên liên quan, bao gồm VNGO-FLEGT, được đánh giá là “rất tốt, hợp lý, hợp tình” thể hiện qua cấu trúc và khung nội dung của dự thảo LD đã được đồng thuận (bản 6.3).

Quá trình xác lập quan hệ với cơ quan đàm phán để chia sẻ thông tin và tác động lên các dự thảo chính sách chỉ là quyết định của BĐH và cơ quan điều phối, hơn là của toàn Mạng lưới. Mạng lưới, một mặt, chưa có một lộ trình và kế hoạch tổng thể để đạt mục tiêu này, mặt khác có rất ít thành viên quan tâm đến các thông tin sẽ được chia sẻ ra sao hoặc kết quả tác động như thế nào. Trong khi đó, một số thành viên quan tâm lại bày tỏ sự quan ngại về tính độc lập của Mạng lưới trong việc phân tích, phản biện và góp ý cho các dự thảo chính sách về FLEGT VPA. Theo đó, các viện dẫn như “đụng đến vấn đề nhạy cảm”, “không gây khó khăn cho nhà nước” được xem là không chính đáng và phù hợp với bản chất của Mạng lưới xã hội dân sự như VNGO-FLEGT. So với dự kiến ban đầu, Mạng lưới hiện đang áp dụng biện pháp “chia sẻ thông tin” thay vì “vận động chính sách”, và “phối hợp và tham vấn” thay vì “đối thoại chính sách” trong quá trình tương tác với Tổng cục Lâm nghiệp – cơ quan chủ trì đàm phán FLEGT VPA của Việt Nam.

Thách thức cho việc vận động chính sách là mức độ quan tâm của các thành viên Mạng lưới đối với các dự thảo LD và TLAS là khá thấp. Chỉ có không quá 30% số thành viên đã thực sự tham gia góp ý với các chú trọng vào quyền hưởng lợi của cộng đồng và đảm bảo tính an toàn về xã hội và môi trường trong quản lý và sử dụng rừng, khai thác và thương mại lâm sản.

Hiện nay, Mạng lưới VNGO-FLEGT cũng chưa tận dụng được cơ hội phối hợp với các Mạng lưới khác có cùng mối quan tâm về tăng cường quản trị lâm nghiệp ở Việt Nam. Các Mạng lưới và nhóm mà VNGO-FLEGT có thể hợp tác như Mạng lưới lâm nghiệp xã hội Châu Á do RECOFTC điều phối, Liên minh đất rừng Việt Nam (FORLAND) do CRD điều phối, Mạng lưới quyền đất lâm nghiệp Việt Nam (LANDNet) do CIRUM điều phối, Nhóm cố vấn về Đánh giá quản trị lâm nghiệp (PGA) của UNDP và nhất là Mạng lưới REDD+ Việt Nam. Những Mạng lưới này đều có kinh nghiệm tốt về thực hiện các đánh giá, tiếp cận và đối thoại chính sách lâm nghiệp cộng đồng, nhất là về quản lý rừng cộng đồng, giao đất giao rừng,... mà VNGO-FLEGT có thể học hỏi và phối hợp, nhất là một số thành viên của Mạng lưới cũng là thành viên của các Mạng lưới nói trên.

5. Đề xuất nâng cao hiệu quả hoạt động Mạng lưới

5.1 Đề xuất cải thiện Mạng lưới REDD+

Hoạt động của Mạng lưới REDD+ đã có những kết quả tích cực, việc duy trì hoạt động Mạng lưới là cần thiết. Nhằm tăng cường hiệu quả của Mạng lưới, nghiên cứu đề xuất:

- Nhân sự có chuyên môn ít và làm việc kiêm nhiệm/bán chuyên trách của phía cơ quan quản lý là một trong những nguyên nhân làm giảm hiệu quả hoạt động của Mạng lưới. Do đó nghiên cứu đề xuất cần tăng số lượng cán bộ chuyên trách/biệt phái của cơ quan quản lý cho hoạt động Mạng lưới. Đồng thời cần có những hoạt động nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý.
- Việc tổ chức nhiều tiểu nhóm kỹ thuật thực chất không quan trọng, mà quan trọng là nội dung cuộc họp là gì. Điều này cũng được ủng hộ bởi đa phần những người được phỏng vấn: họ có thể tham gia bất kỳ cuộc họp của Tiểu nhóm nào, miễn là nội dung cuộc họp hấp dẫn

họ. Do đó không nhất thiết tổ chức các cuộc họp theo 6 tiểu nhóm hiện tại. Có thể tổ chức chung nhằm tận dụng nguồn nhân lực hiện đang hạn chế và kinh phí hỗ trợ từ các Dự án.

- Việc có một nguồn tài chính ổn định hỗ trợ các hoạt động liên quan của Mạng lưới là rất quan trọng để duy trì sự tồn tại và đảm bảo hiệu quả hoạt động của Mạng lưới. Do đó trong dài hạn Mạng lưới cần có nguồn kinh phí độc lập. Các dự án REDD+ hiện có cần cam kết về giá trị hỗ trợ cho vận hành của Mạng lưới.
- Hoạt động sinh hoạt Mạng lưới và Tiểu nhóm cần được tổ chức chặt chẽ hơn. Vai trò chủ trì/đồng chủ trì có thể luân phiên trong các thành viên, và không nhất thiết là đại diện cơ quan quản lý, nhằm tăng tính đa dạng về nội dung và tăng trách nhiệm cũng như chất lượng chia sẻ thông tin. Nên tổ chức đăng ký lại thành viên với điều kiện tham gia cụ thể. Thành phần tham gia hoạt động cụ thể nên phân cấp: họp trực tiếp về kỹ thuật chuyên sâu chỉ nên dành cho cán bộ kỹ thuật hơn là cho tất cả mọi người, những thành viên khác tiếp cận thông tin thông qua website và/hoặc email chung của Mạng lưới.
- Cơ quan quản lý cần có định hướng rõ ràng và quyết đoán hơn trong việc ra quyết định các vấn đề thảo luận, giúp hoạt động Mạng lưới hiệu quả hơn.
- Để tăng cường khả năng tiếp cận thông tin, qua đó giúp nâng cao nhận thức và năng lực của các bên quan tâm, các tài liệu liên quan cần có cả 2 ngôn ngữ tiếng Anh và tiếng Việt, và được đăng tải đầy đủ trên trang web của Mạng lưới.
- Việc tổng hợp thông tin (briefing) gửi tới lãnh đạo cấp cao/có tiếng nói quyết định là rất cần thiết và quan trọng. Mạng lưới nên xuất bản Bản tin (Brief) định kỳ.
- Để hoạt động của Mạng lưới hiệu quả, cần có một bộ phận hỗ trợ thường xuyên, nhằm đảm bảo việc thông tin liên lạc, chuẩn bị cuộc họp/hội nghị, dịch tài liệu liên quan.
- Các tỉnh hiện đang có các hoạt động REDD+ (6 tỉnh UN REDD Pha 2, 3 tỉnh FCPF,...) cần tham gia tích cực và đầy đủ trong các hoạt động của Mạng lưới.
- Mạng lưới REDD+ nên tổ chức theo kiểu FSSP: mỗi vùng sinh thái có 1 nhóm, có tổ chức sinh hoạt định kỳ.

5.2 Đề xuất cải thiện Mạng lưới VNGO-FLEGT

- Cần sớm tiến hành rà soát, đánh giá lại Mạng lưới có sự tham gia đầy đủ của các thành viên nhằm củng cố lại Mạng lưới trên các khía cạnh chiến lược hoạt động, cấu trúc tổ chức và quản trị Mạng lưới, và hiệu quả thực hiện các dự án của Mạng lưới. Hoạt động này cần được thúc đẩy bởi (các) chuyên gia có kinh nghiệm về đánh giá tổ chức và thể chế xã hội dân sự như các Mạng lưới NGOs ở Việt Nam. Việc củng cố lại Mạng lưới VNGO-FLEGT cần gắn liền với các bối cảnh về xu hướng phát triển của quản trị lâm nghiệp Việt Nam cũng như các khung chính sách quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, sự thay đổi của không gian pháp lý của xã hội dân sự Việt Nam, và lộ trình thúc đẩy xã hội dân sự ở Việt Nam của các nhà tài trợ như EU trong những năm tiếp theo;
- Xác định lại tầm nhìn và sứ mệnh của Mạng lưới như một thiết chế xã hội dân sự có chức năng vận động chính sách lâm nghiệp kiên trì và hiệu quả, chứ không chỉ là một thiết chế hoặc công cụ thực hiện dự án tài trợ. Mạng lưới phải là nơi tập hợp các tổ chức NGOs thực sự quan tâm, cam kết và có năng lực để tham gia các tiến trình tác động đến chính sách FLEGT VPA và lâm nghiệp khác;
- Xây dựng chương trình hoặc kế hoạch hành động cho Mạng lưới từ 3-5 năm với sự tham gia của các thành viên và các chuyên gia tình nguyện, trong đó xác định cụ thể các vấn đề chính

sách lâm nghiệp ưu tiên cần tham gia; nhu cầu tăng cường năng lực thực hành và hành động của thành viên và Mạng lưới; và chiến lược kết nối và/hoặc tác động đến các bên liên quan. Dựa trên kế hoạch dài hạn này, xác định các hoạt động ưu tiên thực hiện hàng năm theo các dự án tài trợ hiện có;

- Rà soát và lựa chọn lại thành viên Mạng lưới thực sự quan tâm và cam kết tham gia; loại bỏ các tổ chức đăng ký thành viên nhưng hầu như không tham gia. Xúc tiến sửa đổi và thống nhất lại quy chế Mạng lưới nhằm làm rõ:
 - Vai trò, thẩm quyền, trách nhiệm, quyền lợi của BDH, cơ quan điều phối và thành viên Mạng lưới. Xem xét lại sự cần thiết của Ban cố vấn và cơ chế tham gia;
 - Các quy trình ra quyết định trong nội bộ Mạng lưới;
 - Quyền sở hữu của Mạng lưới về dự án và sản phẩm, và ghi nhận sự đóng góp của thành viên và các bên liên quan;
 - Quy định và thực hiện công khai thông tin dự án và tài chính của Mạng lưới;
 - Cơ chế giao tiếp, chia sẻ và quản lý thông tin, báo cáo của Mạng lưới và duy trì hoạt động Mạng lưới thường xuyên;
 - Cách thức giám sát (nội bộ) hoạt động Mạng lưới và phản hồi theo định kỳ.
- Kêu gọi thêm các tổ chức NGO hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp, quản lý tài nguyên, tư vấn pháp luật tham gia Mạng lưới;
- Vận động Tổng cục Lâm nghiệp về đại diện của Mạng lưới tham gia các Tổ công tác LD và TLAS hoặc Ban soạn thảo Hiệp định VPA; và/hoặc tham gia Nhóm giám sát thực hiện FLEGT VPA của Việt Nam;
- Thiết lập trang thông tin điện tử của Mạng lưới và/hoặc ứng dụng quản lý và chia sẻ thông tin chung của Mạng lưới để mọi thành viên có thể tiếp cận, sử dụng;
- Tăng cường số lượng và chất lượng các sản phẩm thông tin của Mạng lưới, nhất là các tài liệu Phân tích và khuyến nghị chính sách, dữ liệu nghiên cứu, báo cáo hoạt động, ...;
- Liên kết với các Mạng lưới xã hội dân sự về lâm nghiệp khác như FORLAND, ASFN về chia sẻ thông tin, lồng ghép kế hoạch các hoạt động phối hợp, nhất là về đối thoại và vận động chính sách;
- Liên kết với Mạng lưới REDD+ Việt Nam thông qua Tiểu nhóm kỹ thuật về quản trị, hoặc các nhóm khác phù hợp với mục tiêu học hỏi và chia sẻ, kết nối các quá trình chính sách;
- Khuyến khích các tổ chức thành viên và chuyên gia trong nước và quốc tế (như Forest Trends, RECOFTC, SNV,...) sử dụng Mạng lưới như một diễn đàn để chia sẻ thông tin, đối thoại và vận động chính sách liên quan đến tăng cường quản trị lâm nghiệp;
- Thiết kế chương trình làm việc với báo chí và thực hiện các sáng kiến truyền thông hỗ trợ cho các hoạt động nghiên cứu, tham vấn và vận động chính sách của Mạng lưới.

5.3 Đề xuất phối hợp một số hoạt động chuyên môn giữa 2 Mạng lưới VNGO-FLEGT và REDD+

Về góc độ kỹ thuật, Mạng lưới VNGO-FLEGT và REDD+ có một số khía cạnh tương đồng nhau do vậy việc kết hợp giữa 2 Mạng lưới trong việc thực hiện một số hoạt động sẽ đem lại hiệu quả cao hơn cho cả 2 Mạng lưới. Cụ thể, cả 2 Mạng lưới có cùng mục tiêu thúc đẩy sự tham gia của các bên liên quan, nhằm đáp ứng các cam kết quốc tế về nâng cao hiệu quả quản trị rừng, góp phần vào việc giảm mất rừng và suy thoái rừng, từ đó góp phần hỗ trợ việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia về biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh, và phát triển và bảo vệ rừng bền vững đến 2020. Đến nay, cả 2 Mạng lưới đã có những cơ cấu điều hành tương đối hiệu quả, và đây là điều kiện quan trọng cho việc tổ chức thực hiện các hoạt động của Mạng lưới. Hiện thành phần tham gia của cả 2 Mạng lưới đa dạng, bao gồm cả những tổ chức cá nhân cấp trung ương và địa phương. Đa số thành viên hiện nay của Mạng lưới VNGO FLEGT là thành viên của Mạng lưới REDD+. Cụ thể, về các hoạt động kỹ thuật, hiện các hoạt động của 2 Mạng lưới có các lĩnh vực liên quan trực tiếp như sau:

- Cùng các chủ đề ưu tiên, bao gồm các hoạt động liên quan tới các quyền tiếp cận tài nguyên, chia sẻ lợi ích và đảm bảo sinh kế, giảm nghèo;
- Tăng cường nhận thức và năng lực, về các lĩnh vực có liên quan như quản lý rừng bền vững, FPIC, PGA, tăng cường thực thi pháp luật lâm nghiệp;
- Các hoạt động đóng góp ý kiến hoàn thiện các LD và TLAS, xây dựng khung chính sách, luật và quy định về các chính sách đảm bảo an toàn môi trường xã hội trong REDD+; cơ chế giải quyết khiếu nại tố cáo - xử lý xung đột;
- Kết nối qua giám sát thực hiện FLEGT VPA trong giai đoạn sau này;
- Hỗ trợ cho các quá trình xây dựng chính sách-luật pháp liên quan (ví dụ: sửa đổi Luật BVPTTR).

Các thông tin thu thập từ hoạt động của 2 Mạng lưới, cụ thể về các khía cạnh cấu trúc tổ chức, quản lý và cơ chế vận hành, tính hiệu quả trong hoạt động của 2 Mạng lưới về mức độ tham gia của các bên liên quan, nâng cao nhận thức và năng lực cho các thành viên, và khả năng tác động đến tiến trình xây dựng chính sách, góp phần quan trọng trong việc đưa ra các ý kiến về các điều kiện quan trọng để cho một Mạng lưới có thể tồn tại và phát triển bền vững. Phần 6 dưới đây sẽ thảo luận cụ thể về các điều kiện này.

6. Điều kiện cần cho một Mạng lưới hoạt động hiệu quả

Từ kết quả nghiên cứu hai Mạng lưới REDD+ và VNGO-FLEGT, nhóm nghiên cứu rút ra những điểm chính sau như điều kiện cho một Mạng lưới nói chung hoạt động hiệu quả tại Việt Nam:

- Mạng lưới có mục tiêu, chiến lược và quy chế rõ ràng, nhất quán được xây dựng dựa trên sự tham gia và đồng thuận của tất cả các thành viên. Các mục tiêu và chiến lược đó cần được thiết lập dựa trên các phân tích thể chế và bối cảnh phù hợp thực tế, cũng như nhu cầu cải cách và xây dựng chính sách liên quan của nhà nước. Mạng lưới phải tạo ra giá trị (mới, hữu ích) bằng các sáng kiến có tính thách thức được thể hiện dựa trên các kế hoạch thực hiện phù hợp với mục tiêu chiến lược.
- Mạng lưới hoạt động theo cơ chế tự nguyện, nhưng cần được tổ chức và vận hành bởi một cơ cấu đơn giản và năng động, tránh các thiết chế hình thức, trung gian. Cơ cấu đó nên bao gồm BDH, Cơ quan điều phối và Tổ chức/ cá nhân thành viên:

- Ban điều hành chuyên trách: do thành viên Mạng lưới bầu chọn, bao gồm các cá nhân (chuyên gia) hoặc đại diện của các tổ chức thành viên, có kinh nghiệm chuyên môn và năng lực thảo luận nhóm và ra quyết định. BDH phải là thiết chế có quyền cao nhất trong Mạng lưới về việc ra quyết định (như phê duyệt chiến lược, kế hoạch quý, năm, sản phẩm Mạng lưới; giải quyết tranh chấp) và chịu trách nhiệm về chuyên môn. Các thành viên BDH có vai trò ngang nhau;
 - Cơ quan điều phối: là thiết chế hỗ trợ cho BDH, được ủy nhiệm quản lý và triển khai các dự án của Mạng lưới tuân thủ theo các kế hoạch và quyết định do BDH phê duyệt. Cơ quan điều phối là đầu mối liên kết các thành viên Mạng lưới dựa trên chia sẻ thông tin, giao việc và giám sát thực hiện, đồng thời chịu trách nhiệm xây dựng quan hệ và liên kết với các đối tác khác (cơ quan chính phủ, báo chí, nhà tài trợ, các Mạng lưới khác,...);
 - Tổ chức/ cá nhân thành viên: Mạng lưới cần các thành viên thực chất, cam kết tham gia, được phân công trách nhiệm rõ ràng phù hợp với chuyên môn, năng lực và chương trình hoạt động của chính tổ chức đó. Mạng lưới nhằm mục tiêu vận động và phản biện chính sách không nhất thiết phải có đông thành viên. Các thành viên có thể tự nguyện lựa chọn và kết hợp thành các nhóm công tác theo chuyên đề. Thành viên Mạng lưới cũng có chức năng giám sát nội bộ đối với BDH và Cơ quan điều phối.
- Mạng lưới cần được tổ chức và vận hành dựa trên một hệ thống quản trị tốt, theo đó:
 - Chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của từng cơ cấu Mạng lưới, cơ chế ra quyết định và cơ chế làm việc định kỳ (của BDH, Mạng lưới) phải được thảo luận, đồng thuận và trình bày rõ ràng trong bản Quy chế Mạng lưới;
 - Thống nhất cách thức tiếp cận và làm việc với các nhóm mục tiêu (cơ quan chính phủ, cộng đồng địa phương, nhà tài trợ, cố vấn ngoài Mạng lưới và các bên liên quan khác) nhất là trong hoạt động tham vấn và vận động chính sách;
 - Cần quy định rõ quyền sở hữu đối với dự án và sản phẩm/ ấn phẩm Mạng lưới thuộc về tất cả mọi thành viên do Mạng lưới đứng tên. Đóng góp của Mạng lưới cho các bên liên quan khác cần phải được ghi nhận đầy đủ và công bằng;
 - Lợi ích tham gia như hội thảo, tập huấn, tài trợ cần được công khai và khuyến khích các thành viên tiếp cận và sử dụng. Tránh mọi cơ hội đều trao cho BDH hoặc cơ quan điều phối;
 - Tất cả mọi hoạt động và báo cáo của Mạng lưới cần phải được công khai, minh bạch trong nội bộ Mạng lưới. Đề cao nguyên tắc chia sẻ thông tin và học hỏi lẫn nhau như là mục tiêu nâng cao nhận thức, năng lực cho Mạng lưới. Mạng lưới cần có kênh truyền tải thông tin và phản hồi đáng tin cậy;
 - Áp dụng, sử dụng các công cụ về quản lý thông tin, kiến thức, tài liệu và quảng bá Mạng lưới để tiếp cận và trong khả năng của nguồn lực (như hộp thư chung, trang tin điện tử, mạng xã hội, google doc, bản tin định kỳ, clip...);
 - Chức năng giám sát (nội bộ) Mạng lưới có thể giao cho các thành viên Mạng lưới đảm trách nhằm giúp rà soát và khắc phục các yếu điểm.
 - Mạng lưới không chỉ là diễn đàn thảo luận thuần túy, mà cần hướng đến các sản phẩm có chất lượng từ hoạt động nghiên cứu, truyền thông và vận động chính sách. Năng lực tư liệu hóa, xây dựng báo cáo được xem là ưu tiên mà các Mạng lưới XHDS cần cải thiện. Các tài liệu đó phải phản ánh được tiếng nói độc lập của Mạng lưới, gia tăng các phân tích và phản biện,

truyền đạt khách quan các mối quan tâm của người dân, cộng đồng và các bên liên quan đến cơ quan chính sách;

- Gia tăng giá trị đóng góp của Mạng lưới thông qua tích cực chia sẻ thông tin trên các diễn đàn do nhà nước hoặc ngoài nhà nước tổ chức. Tăng cường phối hợp và chia sẻ thông tin giữa các Mạng lưới cùng chung mục tiêu. Đảm bảo rằng mỗi thành viên Mạng lưới đều tự tin và có đủ năng lực đại diện Mạng lưới để tham gia vào các diễn đàn khác nhau;
- Đảm bảo Mạng lưới hoạt động bền vững, lâu dài dựa trên sự kiên trì thực hiện mục tiêu với các yêu cầu sau:
 - Có nguồn tài chính, tài trợ dài hạn và độc lập thông qua dự án tài trợ cho Mạng lưới hoặc các tổ chức thành viên;
 - Hoạt động Mạng lưới cần duy trì thường xuyên, ít nhất là chia sẻ thông tin;
 - Luôn đảm bảo mọi thành viên nhận được lợi ích từ hoạt động Mạng lưới (năng lực, tài chính, ghi nhận đóng góp);
 - Đảm bảo đóng góp của Mạng lưới là thực tế và có ý nghĩa.

Tài liệu tham khảo

Báo cáo quá trình xây dựng và tham vấn về định nghĩa gỗ hợp pháp (Phụ lục 2) của Hiệp định VPA/FLEGT giữa Việt Nam-EU ngày 24 tháng 07 năm 2013 của Tổng cục Lâm nghiệp

Forest Carbon Partnership Facility (FCPF). Readiness Preparation Proposal (R-PP), Socialist Republic of Vietnam. November 2011.

<http://tongcuclamnghiep.gov.vn>

<http://vietfores.org>

<http://vietnam-redd.org>

http://www.euredd.efi.int/portal/home/redd_and_flegt_interactions/

<http://www.thienhien.net>

Quyết định 18/QĐ-TCLN-VP, ngày 19 tháng 01 năm 2011 thành lập Văn phòng REDD+ Việt Nam

Quyết định 2614/QĐ-BNN-LN, ngày 16 tháng 09 năm 2009 thành lập Mạng lưới REDD+ Quốc gia và Tổ Công tác Kỹ thuật REDD+

Quyết định 39/QĐ-BNN-TCCB, ngày 7 tháng 01 năm 2011 thành lập Ban chỉ đạo REDD+ Việt Nam

Quyết định 423/QĐ-TCLN-KH&HTQT ngày 06 tháng 09 năm 2011 của Tổng cục lâm nghiệp về thành lập Tổ xây dựng Hệ thống đảm bảo tính hợp pháp của gỗ

Quyết định 424/QĐ-TCLN-KH&HTQT ngày 06 tháng 09 năm 2011 của Tổng cục lâm nghiệp về thành lập Tổ soạn thảo Định nghĩa gỗ hợp pháp

Quyết định 2199/QĐ-BNN-TCCB ngày 17 tháng 08 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ NN-PTNT về thành lập Ban chỉ đạo về FLEGT và Lacey

Trung tâm Phát triển Nông thôn Bền vững (SRD). Danh sách thành viên Mạng lưới VNGO-FLEGT. Tháng 10 năm 2013

www.srd.org.vn